



CÔNG TY CỔ PHẦN **CẦU ĐỐNG**

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2020

NĂM 2021

MỤC LỤC

THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY	1
THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY	3
1. Thông tin khái quát	4
2. Quá trình hình thành và phát triển	5
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	5
4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý	17
5. Định hướng phát triển	18
6. Quản trị rủi ro	19
7. Phân tích SWAT	20
B. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY NĂM 2020	23
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020	24
2. Tổ chức và nhân sự	25
3. Tình hình tài chính	29
4. Cơ cấu vốn cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	30
C. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	34
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
2. Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020	38
D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	41
1. Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của công ty trong năm 2020	42
2. Báo cáo tự đánh giá của HĐQT	43
3. Định hướng năm 2020	44
E. QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
1. Hội đồng quản trị	48
2. Ban kiểm soát	48
F. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	49
1. Tổng quan	50
2. Các mục tiêu phát triển bền vững	50
G. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2020 ĐÃ KIỂM TOÁN	52

THƯ NGỎ CỦA BAN LÃNH ĐẠO CTCP CẦU ĐUỐNG

Ban Lãnh đạo Công ty cổ phần Cầu Đuống xin gửi tới quý khách hàng, quý cổ đông cùng quý vị đối tác lời chúc sức khỏe - an khang - thịnh vượng!

Theo đánh giá của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, Kinh tế xã hội năm 2020 diễn ra trong bối cảnh dịch Covid 19 bùng phát mạnh và diễn biến khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Các nền kinh tế lớn đối mặt với tình trạng suy thoái suy, nhiều nhất trong thập kỷ qua. Nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Chính phủ và những quyết sách đúng đắn kinh tế xã hội Việt Nam đạt nhiều kết quả đáng ghi nhận. GDP năm 2020 tăng 2,91% tuy là mức tăng thấp nhất của các năm trong giai đoạn 2011-2020 nhưng bối cảnh dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế - xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng năm 2020 thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Là một doanh nghiệp với bề dày lịch sử hàng trăm năm, tiền thân là nhà máy gạch ngói Hưng Ký - nhà máy gạch ngói đầu tiên tại Đông Dương thế kỷ XX, chúng tôi tự hào là nhà cung cấp các sản phẩm gạch ngói chất lượng cao tới người tiêu dùng trong nước và quốc tế. Với các sản phẩm nhiều năm liền đạt được các danh hiệu do các Bộ, Ngành Trung Ương và người tiêu dùng bình chọn, được các đối tác lớn như VINACONEX, HUD, UDIC... tin tưởng gắn bó. Ngoài ra, với đội ngũ kỹ sư giỏi, nhiệt huyết, không ngừng học hỏi, sáng tạo, công ty chúng tôi từ lâu đã trở thành một thương hiệu tin cậy trong lòng bạn bè cả nước trên lĩnh vực xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất gạch tuynel. Trong xu thế nền kinh tế đang ngày càng phát triển, với tốc độ đô thị hóa nhanh, nhu cầu về vật liệu xây dựng cũng tăng theo, tuy nhiên các doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức khi có sự cạnh tranh từ các doanh nghiệp nước ngoài và cung đang vượt quá cầu.

Hiểu được điều đó, Công ty chúng tôi không ngừng cải tiến công nghệ kỹ thuật, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm mang lại cho khách hàng lợi ích cao nhất. Khẳng định được thương hiệu, vị thế và uy tín của mình là yêu cầu cấp thiết hơn bao giờ hết đối với cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Cầu Đuống. Đích đến mà công ty hướng tới trong giai đoạn này hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Với kỳ vọng đưa Cầu Đuống trở thành thương hiệu mạnh trong tương lai không xa, ban lãnh đạo cam kết luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty bứt phá trong giai đoạn đầy khó khăn biến động của nền kinh tế.



Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Cầu Đống xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt những năm tháng khó khăn vừa qua. Cùng nhau, chúng ta hãy tiếp tục duy trì một tập thể đoàn kết, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn quý vị,

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty

Tổng Giám đốc



Ngô Thành An

CTCP CẦU ĐƯỜNG



A. THÔNG TIN CHUNG

VỀ CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Cầu Đống
- Tên tiếng anh: CauDuong Joint Stock Company
- Tên viết tắt: CDC.,JSC
- Mã chứng khoán: CDG
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0100104997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/06/2006, thay đổi lần thứ chín ngày 22/05/2019
- Vốn điều lệ: 34.649.950.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2020)
- Vốn chủ sở hữu: 34.649.950.000 đồng (tại thời điểm 31/12/2020)
- Trụ sở chính: Km 14 – Quốc lộ 3 – Xã Mai Lâm – Đông Anh – Hà Nội
- Điện thoại: 0243.961.1346
- Fax: 0243.880.0258
- Email: cdc@cauduong.com.vn
- Website: www.gachngoicauduong.com

Tầm nhìn – Sứ mệnh:

- Tầm nhìn: Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của khách hàng, đưa Công ty cổ phần Cầu Đống trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng nói chung và trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng nói riêng.
- Sứ mệnh: Không ngừng cải tiến và đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm cung cấp sản phẩm và dịch vụ hoàn hảo nhất, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng. **“Sự thịnh vượng và hài lòng của khách hàng”** là tôn chỉ hoạt động của Công ty chúng tôi.

Những thành tích đã đạt được:

Trong suốt quá trình xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Cầu Đống tự hào được công nhận là đơn vị thi đua xuất sắc ngành Xây dựng trong nhiều năm liền, Đảng bộ và Công đoàn trong sạch vững mạnh, An ninh tự vệ đạt thành tích xuất sắc.

Cho đến thời điểm này, Công ty đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý:

- + 01 Huân chương Lao động hạng nhất;

- + 01 Huân chương Lao động hạng nhì;
- + 04 Huân chương Lao động hạng ba;
- + 01 Huân chương Chiến công hạng ba;
- + 01 Huân chương Độc lập hạng ba;
- + 05 Cờ thi đua Xuất sắc của Bộ Xây dựng và UBND Thành phố Hà Nội;
- + 02 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam.

2. Quá trình hình thành và phát triển

- + 1905: Tiền thân là Xưởng gạch Hưng Ký, bắt đầu hoạt động từ năm 1905 với quy mô công nghiệp hình thành vào loại sớm nhất Đông Dương.
- + Ngày 05/02/1959: Xí nghiệp Công tư hợp doanh Gạch ngói Cầu Đống được thành lập theo Quyết định số 281/KTTC ngày 05/02/1959 của Ủy ban hành chính tỉnh Bắc Ninh.
- + Năm 1992: Đổi tên là Xí nghiệp Gạch ngói Cầu Đống thuộc Sở Xây Dựng Hà Nội.
- + Năm 1995: Đổi tên là Công ty Vật liệu Xây dựng Cầu Đống.
- + Năm 2002: Đổi tên là Công ty Đầu tư Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Cầu Đống.
- + Tháng 12/2004: Trở thành đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty đầu tư phát triển hạ tầng đô thị UDIC.
- + Năm 2006: Từ hình thức sở hữu Nhà nước, Công ty tiến hành xong việc cổ phần hóa và chính thức mang tên Công ty cổ phần Cầu Đống.
- + Ngày 27/02/2017: Cổ phiếu CDG của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch chính thức trên sàn chứng khoán UpCoM.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng: bao gồm sản xuất và kinh doanh Sản phẩm vật liệu xây dựng nung và Sản phẩm vật liệu xây dựng không nung.
- Thi công xây lắp và tư vấn thiết kế: bao gồm Xây lắp trong lĩnh vực công nghiệp và Xây lắp trong lĩnh vực dân dụng.
- Gia công chế tạo các sản phẩm cơ khí.

1. SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG:

+ Sản phẩm vật liệu xây dựng nung: Gạch ngói, gốm đất sét nung là sản phẩm truyền thống của Công ty đã có từ hàng trăm năm nay. Công ty có 03 nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng nung với dây chuyền sản xuất và hệ thống lò nung tuynel theo công nghệ tiên tiến nhất. Sau khi cho thuê khoán Nhà máy tại Xí nghiệp Cầu Đống, Công ty đã tiếp tục cho thuê khoán Nhà máy tại Xí nghiệp Sóc Sơn vào năm 2019. Hiện nay công ty đang vận hành sản xuất 01 nhà máy gạch ngói tuynel.

+ Sản phẩm vật liệu xây dựng không nung: Mặc dù yếu tố thị trường chưa tạo đà cho vật liệu không nung phát triển nhưng công ty vẫn tiếp tục duy trì sản xuất, đặc biệt là sản xuất các sản phẩm gạch đặc xây từ xi măng cốt liệu.

GẠCH XÂY LÁT, NGÓI LỢP

Gạch đặc		Gạch nem	
Gạch 2 lỗ		Gạch lá dừa	
Gạch 4 lỗ		Gạch chống nóng	
Gạch 6 lỗ		Gạch xốp	

Gạch lỗ cắt dọc



Gạch chịu lửa



Ngói 22



Ngói bò



Công trình tiêu biểu sử dụng gạch đất sét nung Cầu Đường:

1.Khu đô thị Royal City

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ

Số lượng: 3.000.000 viên

Thời gian triển khai: 2012-2013



2.Khu đô thị Times City

Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ,
gạch 6 lỗ

Số lượng: 5.000.000 viên

Thời gian triển khai: 2011-2013



3. Khu đô thị Mulberry Lane Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ. Số lượng: 10.500.000 viên Thời gian triển khai: 2011-2012



4. Khu đô thị Nam Thăng Long Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ, gạch 6 lỗ. Số lượng: 1.200.000 viên Thời gian triển khai: 2010-2011



5. Khu đô thị Trung Yên Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ. Số lượng: 1.000.000 viên Thời gian triển khai:



6. Trung tâm Hội nghị quốc gia Sản phẩm: gạch đặc, gạch 2 lỗ. Số lượng: 1.000.000 viên Thời gian triển khai: 2005-2006



SẢN PHẨM PHỤC CHẾ CÁC CÔNG TRÌNH DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA

Gạch hoa chanh		Gạch bát phục chế	
Ngói vảy cá		Gạch vồ	
Ngói chiếu		Ngói Mũi Hài	

Di tích lịch sử - văn hóa được phục chế từ sản phẩm Cầu Đường:

Đền thờ Thánh Gióng
(Sóc Sơn)



Đền thờ Hai Bà Trưng
(Vĩnh Phúc)



Côn Sơn Kiếp Bạc
(Hải Dương)



Đền Hùng
(Phú Thọ)



Văn miếu Quốc Tử Giám
(Phục chế ngôi lợp cổ)



Chùa Thanh Nhàn
(Hà Nội)



SẢN PHẨM GẠCH, NGÓI KHÔNG NUNG

Gạch block xây



Gạch ô cổ



Gạch bát giác



Gạch hình sao



Gạch zic zắc



Ngói màu



Công trình tiêu biểu sử dụng gạch block tự chèn/ ngói màu Cầu Đường:

1. Phố Kim Liên

Sản phẩm: gạch bát giác nhân vuông

Số lượng: 2.000 m²

Thời gian triển khai: 2013



2. Phố Thái Hà - Hoàng Cầu

Sản phẩm: gạch bát giác nhân vuông

Số lượng: 7000 m²

Thời gian triển khai: 2012



3. Đường Trần Phú

Sản phẩm: Gạch block hình sao

Số lượng: 4.000 m²

Thời gian triển khai: 2011



4. Trường Quốc tế BVIS- Vincom Village

Sản phẩm: Gạch bát giác nhân vuông Số

lượng: 2.000 m²

Thời gian triển khai: 2011-2012



5. Khu công nghiệp Quang Minh Sản phẩm: gạch bát giác nhân vuông Số lượng: 5.000 m² Thời gian triển khai: 2010-2011



6. Khu đô thị Thạch Bàn Sản phẩm: Ngói sóng lớn Màu sắc: màu ghi sáng Số lượng: 5.000 m² Thời gian triển khai: 2012



2. THI CÔNG XÂY LẮP VÀ TƯ VẤN THIẾT KẾ

Công ty đã ký và triển khai được các hợp đồng xây lắp trong lĩnh vực công nghiệp (xây dựng nhà máy sản xuất gạch ngói) và lĩnh vực dân dụng (thi công lắp đặt điện nước toà nhà HH2B – Linh Đàm). Đặc biệt, việc thi công và tư vấn thiết kế các nhà máy gạch ngói đã được công ty triển khai từ rất sớm, bắt đầu bằng việc xây lắp và chế tạo thiết bị lò nung nhà máy gạch tuynel Phú Yên vào năm 1998.

Hợp đồng thi công và tư vấn tiêu biểu:











Năm 2011: Xây dựng lò nung tuynel và nhà bao che công suất 40 triệu viên/năm cho CTCP Cầu Đường Hưng Yên.



Năm 2010: Sửa chữa, nâng cấp công suất nhà máy gạch ngói tuynel lên 20 triệu viên/năm cho CTCP gạch Nam An - Nam Định.



3. GIA CÔNG CHẾ TẠO CÁC SẢN PHẨM CƠ KHÍ

<p>Máy đùn ép CK CEP600S</p>		<p>Kích đẩy goòng</p>	
<p>Máy cắt gạch tự động TD1</p>		<p>Máy cấp liệu thùng</p>	
<p>Con dấu lăn gạch</p>		<p>Máy nhào trộn</p>	
<p>Máy cắt gạch tự động TD</p>		<p>Cán trục lọc sỏi</p>	
<p>Xe phà điện</p>		<p>Máy nhào lọc sỏi</p>	

Máy cắt gạch bán
tự động



Máy cán trục



Địa bàn kinh doanh:

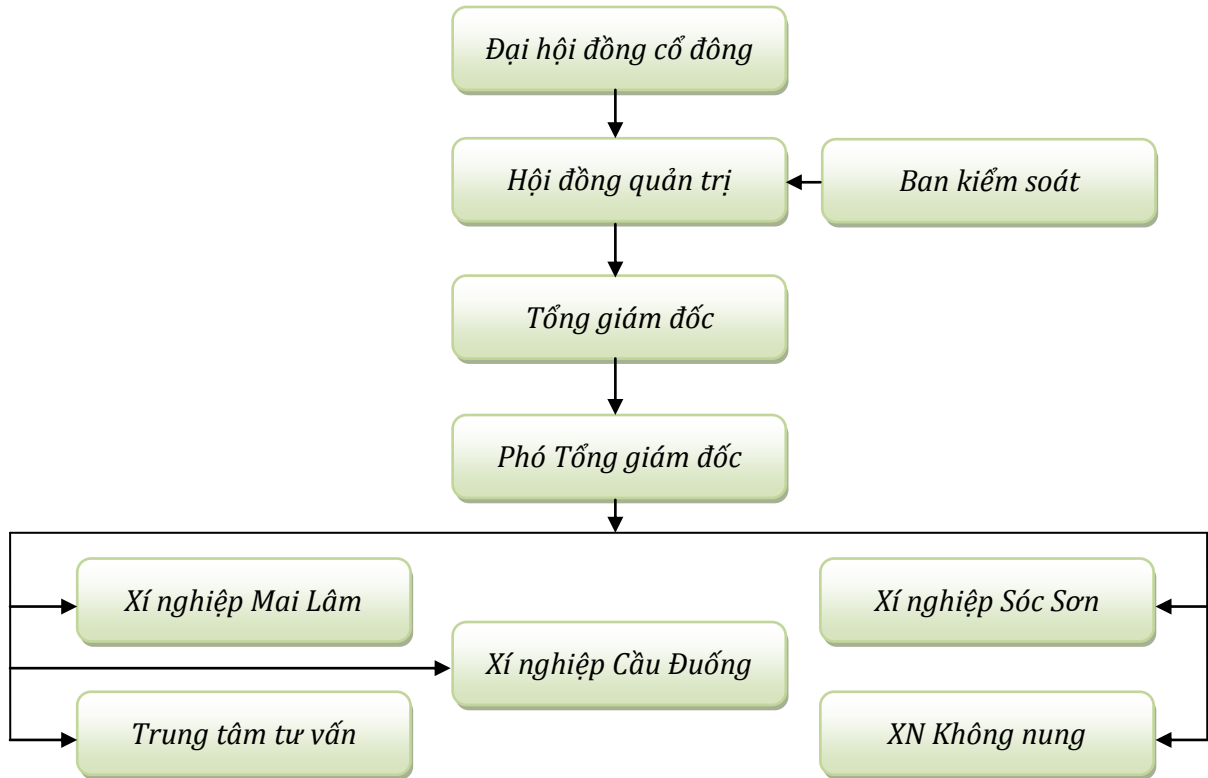
Các sản phẩm vật liệu xây dựng và cơ khí gia công của Cầu Đống được tin dùng bởi đông đảo người tiêu dùng trong phạm vi toàn quốc, trong đó các sản phẩm của công ty có mặt nhiều nhất tại địa bàn Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Công ty cổ phần Cầu Đống hoạt động chủ yếu thông qua trụ sở chính tại Km 14 – Quốc lộ 3 – Xã Mai Lâm – Đông Anh – Hà Nội; hệ thống các xí nghiệp tập trung tại huyện Đông Anh – Hà Nội là cung ứng chủ yếu các sản phẩm, dịch vụ cho việc phân phối tại trụ sở công ty.

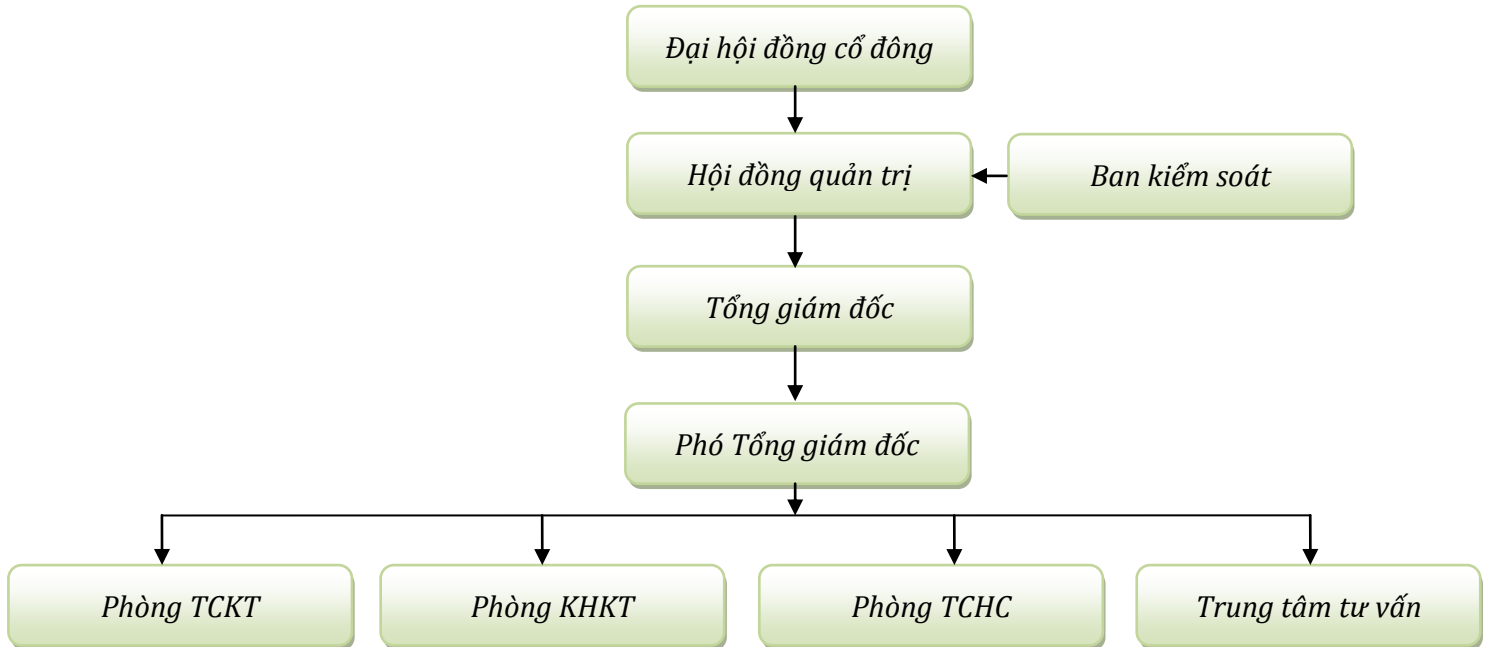


4. Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị:



Bộ máy quản lý công ty:



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- + Sử dụng vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Tối đa hoá lợi nhuận, tăng lợi tức cho các cổ đông;
- + Đóng góp ngày càng lớn vào Ngân sách Nhà nước;
- + Tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động;
- + Phát triển Công ty ngày một lớn mạnh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- + Duy trì sản xuất vật liệu nung và không nung theo hướng tập trung;
- + Cho thuê và cắt giảm các công đoạn không hiệu quả;
- + Kết quả sản xuất kinh doanh có lãi, cổ tức hàng năm chia tối thiểu 8%.

6. Quản trị rủi ro

Rủi ro kinh tế

Trong một nền kinh tế mở cửa và hội nhập, rủi ro và sự lan truyền rủi ro là điều không thể tránh khỏi. Về mặt tổng quát, loại hình rủi ro này chịu sự chi phối đến từ chính sự biến động của các thành tố cơ bản trong nền kinh tế: tổng sản phẩm quốc nội, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, cán cân mậu dịch,... Tại Việt Nam, thị trường bất động sản bước vào giai đoạn đòi hỏi nguồn cung cũng là thời điểm số dự án khởi công mới càng ít đi, điều này khiến cho thị trường vật liệu xây dựng cũng bị ảnh hưởng đáng kể. Tại các báo cáo về tình hình sản xuất, tiêu thụ vật liệu xây dựng của Bộ Xây dựng và các đơn vị liên quan đưa ra ở thời điểm cuối năm 2020 đều cho thấy, tình hình tiêu thụ các mặt hàng vật liệu xây dựng ở trong nước tăng trưởng không mạnh. Đại diện Bộ Xây dựng nhận định: “Với đà này, năm 2020, các mặt hàng vật liệu xây dựng chủ chốt khó có tăng trưởng đột biến, thậm chí là khó tiêu thụ”.

Bên cạnh nguyên nhân do nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng trong nước đang chững lại, điều đáng lo ngại nhất là sự cạnh tranh quyết liệt với hàng có nguồn gốc từ nước ngoài, trong đó có Trung Quốc. Theo ông Nguyễn Quang Cung, Phó Chủ tịch Hội Vật liệu xây dựng Việt Nam, thông tin từ một số doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của Trung Quốc cho biết, với khẩu hiệu “Trung Quốc sáng tạo và giảm thiểu ô nhiễm môi trường”, ngành vật liệu xây dựng Trung Quốc đang có những bước chuyển mình rất lớn về công nghệ với các sản phẩm ngày càng đẹp hơn và giá cả thấp hơn. Bên cạnh đó, nhiều hãng vật liệu - nội thất danh tiếng đến từ Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Italia, Singapore... cũng đang nhắm đến Việt Nam như một thị trường tiềm năng. Đó sẽ là những đối thủ tiềm tàng của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng Việt Nam. Đại diện Hiệp hội Vật liệu xây dựng cho rằng, đây là thách thức rất lớn và không còn lựa chọn nào khác, các doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng trong nước phải chú trọng hơn nữa vào việc đầu tư, đổi mới thiết bị công nghệ, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời với việc giảm giá thành... để có thể cạnh tranh sòng phẳng trên sân nhà. Dịch covid 19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế

Rủi ro lạm phát

Kiểm soát lạm phát là yếu tố quan trọng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Năm 2020, kinh tế Việt Nam đạt thắng lợi kép: kiểm soát được lạm phát và tăng trưởng kinh tế vượt chỉ tiêu của Quốc hội đề ra.

Rủi ro lãi suất

Lãi suất bao giờ cũng có yếu tố tham chiếu quyết định đó là lạm phát. Trong 3, 4 năm nay, lạm phát của Việt Nam đã duy trì ở mức thấp, tăng trưởng kinh tế cao, phản ánh rõ nét về sự ổn định nền kinh tế vĩ mô. Nền kinh tế Việt Nam sức cạnh tranh còn yếu nên chi phí sản xuất là yếu tố rất quan trọng trong sản xuất kinh doanh.

Lãi suất cho vay trong năm 2020 đã giảm nhưng chưa được như mong đợi do nhiều nguyên nhân. Thứ nhất, thị trường tiền gửi và thị trường liên ngân hàng kém liên thông. Lãi suất liên ngân hàng duy trì ở mức khá thấp trong khi lãi suất trên thị trường tiền gửi giảm không nhiều, do thanh khoản dồi dào trên thị trường tập trung chủ yếu ở các tổ chức tín dụng lớn. Lãi suất huy động trong năm qua không giảm vì nhu cầu vốn lớn, thị trường bất động sản đã khởi sắc nên nhiều người rút tiền để đầu tư hay đầu tư chứng khoán. Thứ hai, nợ xấu vẫn là rào cản lớn cho việc hạ lãi suất trong khi tỷ lệ thu nhập lãi cận biên của các tổ chức tín dụng vẫn còn ở mức khiêm tốn so với các nước trong khu vực.

Đối mặt với xu hướng biến động khó lường của lãi suất cho vay, Công ty đã lên kế hoạch để chủ động trong việc duy trì cung ứng vốn đầu vào, huy động vốn từ các nguồn khác mà không lệ thuộc hoàn toàn vào việc vay ngân hàng để có thể đảm bảo duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tới.

Rủi ro pháp lý

Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp tác động lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như của các doanh nghiệp khác. Đó là rủi ro pháp lý ở khía cạnh hệ thống, ảnh hưởng đến hầu hết các doanh nghiệp chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Sự thay đổi này có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động của Công ty. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của nhiều văn bản pháp luật khác nhau (Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Chứng khoán...). Pháp luật Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện để phù hợp với thực tiễn và quá trình hội nhập quốc tế nên có nhiều thay đổi, biến động. Bất cứ sự thay đổi nào cũng sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khả năng quản trị và kiểm soát hoạt động doanh nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hạn chế rủi ro pháp lý. Cùng với quá trình phát triển, Công ty sẽ tiếp tục có cơ chế theo dõi, cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

Rủi ro khác

Công ty có thể gặp một số rủi ro khác mang tính bất khả kháng như động đất, bão, lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh... Các rủi ro này khó lường trước và đều có khả năng gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. PHÂN TÍCH SWAT

Điểm mạnh:

- Hoạt động lâu năm trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng, thương hiệu đã có vị thế nhất định trên thị trường;
- Trụ sở chính tại Thủ đô thuận tiện cho việc giao kết hợp đồng với các khách hàng có nhu cầu lớn;
- Cán bộ công nhân viên tâm huyết, giàu kinh nghiệm, quyết tâm duy trì nghề truyền thống.

Điểm yếu:

- Tình hình sản xuất kinh doanh trong những năm gần đây gặp nhiều khó khăn do phụ thuộc quá nhiều vào diễn biến của thị trường bất động sản; ảnh hưởng của dịch covid 19 gây khó khăn không nhỏ cho việc tiêu thụ đầu ra
- Dây chuyền sản xuất đã nhiều năm, cần được cải tiến, đổi mới về công nghệ;
- Thiếu vốn đầu tư và quy mô sản xuất kinh doanh đang dần bị thu hẹp.

Cơ hội:

- Xu hướng phát triển nhanh chóng của hệ thống cơ sở hạ tầng và khu công nghiệp làm nảy sinh nhu cầu về vật liệu xây dựng ngày càng tăng cao;
- Nhu cầu về các sản phẩm vật liệu xây dựng truyền thống vẫn còn được duy trì trong vài năm tới, các sản phẩm không nung đang ngày càng có vị thế trên thị trường nếu xét về mặt dài hạn;
- Chính phủ có cơ chế khuyến khích về thuế thu nhập doanh nghiệp cho các công ty tham gia thị trường chứng khoán.

Thách thức:

- Giá cả vật tư, nguyên nhiên liệu đầu vào của ngành sản xuất vật liệu xây dựng đang có xu hướng tăng cao;
 - Các doanh nghiệp trong ngành phần lớn đều đang rơi vào tình trạng tồn kho, cung vượt cầu dẫn đến giá thành giảm và cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường cung ứng gạch ngói;
 - Các doanh nghiệp nội địa gặp nhiều áp lực khi có nhiều công ty nước ngoài gia nhập và ảnh hưởng từ giá thép rẻ của Trung Quốc.
-

CTCP CẦU ĐƯỜNG



B. TÌNH HÌNH

HOẠT ĐỘNG NĂM 2020

Thông qua các hoạt động cơ cấu lại sản phẩm, quy hoạch mặt bằng xây dựng cho thuê khoán nhà xưởng, Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của công ty đã có những nỗ lực đáng kể trong việc khắc phục những khó khăn trong khâu sản xuất, tìm kiếm cơ hội đem lại lợi nhuận cao nhất cho Công ty. Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt 5,34 tỷ đồng, doanh thu vật liệu tăng 11.2% so với năm ngoái. Lợi nhuận toàn công ty tăng 17,7% so với năm 2019.

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

1. Thực hiện kế hoạch sản lượng sản xuất VLXD

- Tổng doanh thu tại công ty đạt 32,5 tỉ đồng bằng **113,2%** so với kế hoạch, bằng 83,5% so với năm 2019. Các chỉ tiêu cụ thể thể hiện ở **Phụ lục số 1 "Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020"**.
- Doanh thu về cơ bản tăng ở tất cả các hoạt động của Công ty, tuy nhiên tổng doanh thu giảm do lĩnh vực xây lắp và cơ khí dừng hoạt động.

1.1 Sản xuất vật liệu xây dựng

- Vật liệu xây dựng nung (tại XN Mai Lâm):
 - + Dừng lò 1 tháng đầu năm do công tác tiêu thụ chậm đồng thời tiến hành bảo dưỡng thiết bị.
 - + Thực hiện sản xuất **12.657.703** viên, tương ứng **20.355.585** viên QTC bằng **84,1%** so kế hoạch và **121,3%** so với năm 2019, trong đó cơ cấu sản phẩm có giá trị cao như gạch không trát, gạch lát, ngói thực hiện 6,9%. Lượng tiêu thụ toàn công ty bằng 106,2% lượng sản xuất, sản phẩm tồn kho giảm từ 8,615 tr viên năm 2019 xuống còn 7,07 triệu viên năm 2020.

- Vật liệu xây dựng không nung:

+ Đối với gạch không nung và ngói màu: Tiêu thụ hàng tồn kho không đáng kể, cụ thể bán được 4.083 viên các loại tương đương 7.337 viên QTC bằng 6,7% so với kế hoạch.

Doanh thu vật liệu không nung thực hiện 10,6 triệu đồng bằng 4,18% so với KH.

1.2 Lĩnh vực cơ khí, xây lắp:

1.3 Công tác thuê khoán, liên doanh hợp tác:

Doanh thu từ hoạt động cho thuê, liên doanh và hoạt động khác đạt 12,988 tỷ đồng.

Hoạt động thuê khoán:

- Đối với các hợp đồng đã ký và còn hiệu lực: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện nghĩa vụ đúng quy định theo hợp đồng. Đến nay một số đơn vị chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê khoán năm 2020.

- Đối với các hợp đồng sắp hết hạn: Đàm phán với các đơn vị đang thuê tiếp tục hợp đồng theo hình thức gia hạn.

+ Việc thuê khoán dây chuyền tại Xí nghiệp Cầu Đống đã thương thảo gia hạn hợp đồng với Công ty CP VLXD Cầu Đống ngay trước khi Hợp đồng hết hiệu lực với giá thuê khoán trước thuế từ tháng 3 năm 2020 là 2,7 tỷ đồng/năm, thời gian gia hạn là 1 năm.

+ Dây chuyền sản xuất gạch không nung hết hạn vào 31/6/2020 đã ký gia hạn hợp đồng theo từng quý; đến nay đã thương thảo và ký hợp đồng mới với đơn vị Công ty CP SX VLXD Cầu Đống với thời hạn 3 năm.

+ Dây chuyền sản xuất ngói màu hết hạn vào 31/12/2020 đã thanh lý hợp đồng và thương thảo ký hợp đồng mới tiếp tục với đơn vị Công ty TNHH Bình Minh với thời hạn 3 năm.

Hoạt động liên doanh hợp tác:

- Đã điều chỉnh các hợp đồng liên doanh và cho thuê nhằm đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với ngành nghề khu đất và kết hợp với đối tác khắc phục các quy định về phương thức hạch toán.

Quy hoạch lại mặt bằng XN Mai Lâm, đầu tư cải tạo cho thuê tại khu nhà vật tư cũ (giáp xưởng cơ khí) và kho than pha cũ; đến nay mới ký được hợp đồng cho thuê nhà mới đầu tư sau văn phòng Công ty.

Nhìn chung tất cả các hoạt động liên doanh và cho thuê khoán còn lại đều đem lại hiệu quả, các đơn vị nhận thuê khoán đều thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng. Tuy nhiên trong việc thanh toán của các đơn vị sản xuất gạch có tình trạng chậm trả do dịch COVID tình hình sản xuất khó khăn.

2. Công tác quản lý chất lượng sản xuất VLXD - Máy móc thiết bị:

- Nhìn chung công tác chất lượng tiếp duy trì ổn định, cán bộ kỹ thuật bố trí giám sát xuyên suốt quy trình nhằm kiểm tra chặt chẽ quá trình sản xuất. Việc phân loại sản phẩm được chú trọng thực hiện, các khâu, các bộ phận đều được thường xuyên nhắc nhở thực hiện đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ được uy tín của công ty.

- Khai thác các nguồn cung cấp than đảm bảo chất lượng và giá thành hợp lý, duy trì sử dụng than xít, than nhiệt năng thấp để pha vào gạch mộc kết hợp việc sử dụng dây chuyền nghiền sa mốt vừa xử lý được chất thải rắn đồng thời phát huy được hiệu quả công nghệ mới nâng chất lượng sản phẩm. Trong năm đã tiến hành nhập đất với nhiều nguồn đảm bảo tính cạnh tranh, lượng dự trữ tăng nên chủ động trong sản xuất. Tỷ lệ phẩm cấp cơ bản đạt định mức tuy nhiên tiêu hao vật tư sử dụng cao hơn so với định mức do lượng đất cũ tồn cuối bãi đất sản xuất vẫn còn lẫn đá.

- Quản lý máy móc thiết bị: Công tác bảo dưỡng luôn được chủ động thực hiện và sửa chữa kịp thời tránh làm ảnh hưởng đến sản xuất. Thường xuyên nghiên cứu cải tiến công nghệ, đầu tư cơ giới hóa gần như 100% các công đoạn, lắp hệ thống tời, điều khiển từ xa, quạt chống nóng, chống bụi... nhằm cải thiện điều kiện cho người lao động.

3. Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

Công tác tiêu thụ là vấn đề ngày càng khó khăn, để giải quyết vấn đề này Công ty đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Liên tục nắm bắt tình hình bán hàng và nhu cầu của các khách hàng duy trì các mối quan hệ đã có, tìm kiếm mở rộng đại lý và khách hàng tiêu thụ mới.

- Thông qua khách hàng đi đến các công trình của nhà thầu thi công để nắm bắt được thực tế công trường nhằm đáp ứng được yêu cầu về chủng loại sản phẩm cũng như tiến độ của đơn vị thi công.

- Cơ cấu sản phẩm sản xuất theo nhu cầu thị trường, tập trung vào sản xuất các loại sản phẩm có nhu cầu lớn mà thị trường đang cần như gạch 6 lỗ, 2 lỗ 80; duy trì khai thác hợp đồng về các loại sản phẩm có giá trị cao như ngói, gạch bát, đặt hàng phục chế, với sản phẩm ngói mũi hài năm 2020 sản xuất không đủ cấp cho thị trường.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất khớp với yêu cầu của thị trường nhằm giảm các chi phí ra lò, bốc xếp nhằm cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm đưa vào công trình.

7. Công tác đầu tư:

Năm 2020 đã tiến hành đầu tư nhà kho chứa vật tư, thành phẩm đồng bộ với hệ thống hạ tầng như đường nội bộ, cấp thoát nước, điện,... nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại khu đất Xí nghiệp Mai Lâm:

- Nhà kho thành phẩm số 1: Sau văn phòng Công ty với diện tích 1.210m²
- Nhà kho thành phẩm số 2: Cạnh nhà cơ khí cũ với diện tích 638m²
- Cải tạo nhà kho than cũ với diện tích 480 m².
- Xây dựng tường rào đảm bảo an ninh xung quanh văn phòng Công ty với chiều dài 223,2m.
- Sơn bảo vệ bên ngoài và một phần bên trong nhà làm việc 3 tầng văn phòng Công ty.

Đến nay các công trình đã đi vào khai thác sử dụng một cách hiệu quả.

8. Kết quả

Với kết quả đạt được như trên, dự kiến Công ty có lãi năm 2020 là 5,34 tỷ đồng. Cụ thể:

- Xí nghiệp Mai Lâm (SX VLXD): kế hoạch lãi 12,5 triệu đồng - thực hiện lãi 221 triệu đồng (năm 2019 lỗ 1,818 tỷ đồng).
- Xí nghiệp không nung (bán sản phẩm tồn kho): kế hoạch lỗ 201,1 triệu đồng - thực hiện lỗ 56 triệu đồng (năm 2019 lỗ 184 triệu đồng).
- Hoạt động thuê khoán và hợp tác kinh doanh: kế hoạch lãi 3,775 tỷ đồng - thực hiện lãi **4,228** tỷ đồng - đạt **100,8%** so với kế hoạch, bằng **87,6%** so với cùng kỳ.
- Hoạt động tài chính tiền gửi: kế hoạch lãi 600 triệu đồng - thực hiện lãi 887,7 triệu đồng - đạt 148% so với kế hoạch, bằng 110,3% so với cùng kỳ.

II. Tổ chức và nhân sự

Giới thiệu Ban điều hành

STT	Vị trí	Tên	Nhiệm kỳ	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần CDG
1	Tổng giám đốc	Ngô Thành An	2019-2024	4.09%
2	Phó Tổng giám đốc	Hoàng Tiến Đạt	2019-2024	0.006%
3	Kế toán trưởng	Nguyễn T. Xuân Hoa		0%

❖ Ông Ngô Thành An - Tổng giám đốc kiêm Thành viên HĐQT

- Số CMND: 001068003408 Ngày cấp: 18/05/2015 Nơi cấp: Hà Nội

- Ngày sinh: 07/03/1968

- Giới tính: Nam

- Quốc tịch: Việt Nam

- Địa chỉ: Lộc Hà, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư vật liệu xây dựng

Bằng cấp	Chuyên ngành	Năm tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Cơ sở đào tạo
Trung cấp	Vật liệu xây dựng	1988	03 năm	Trung cấp xây dựng Hà Nội
Đại học	Vật liệu xây dựng	2001	05 năm	Đại học xây dựng Hà Nội

- Quá trình công tác:

Giai đoạn	Đơn vị công tác	Chức vụ
05/1989 – 09/1996	Xí nghiệp gạch ngói Cầu Đống	Cán bộ kỹ thuật
10/1996 – 12/1998	Cty VLXD Cầu Đống	Cán bộ kỹ thuật
01/1999 – 03/2001	Cty VLXD Cầu Đống	Phó phòng Kế hoạch vật tư
04/2001 – 12/2002	Cty VLXD Cầu Đống	Giám đốc XN xây lắp số 2
01/2003 – 06/2006	Cty ĐTXD & SX vật liệu Cầu Đống	Giám đốc XN xây lắp số 2
07/2006 – 06/2009	Công ty CP Cầu Đống	Thành viên HĐQT, Giám đốc XN xây lắp và cơ khí
07/2009 – 03/2013	Công ty CP Cầu Đống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN xây lắp
04/2013 – 02/2014	Công ty CP Cầu Đống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN Cầu Đống
03/2014 – 04/2014	Công ty CP Cầu Đống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc XN Sóc Sơn
05/2014 – 05/2019	Công ty CP Cầu Đống	Thành viên HĐQT, Phó tổng giám đốc công ty, Giám đốc Trung tâm TVĐT và xây dựng
04/2014 - 2017	Cty CP Cầu Đống Sông Hóa	Chủ tịch HĐQT
05/2019 – nay	Công ty CP Cầu Đống	Thành viên HĐQT, TGD giám đốc Công ty

❖ **Ông Hoàng Tiến Đạt**

- Số CMND: 010604057 Ngày cấp: 26/04/2004 Nơi cấp: Hà Nội
- Ngày sinh: 24/10/1962
- Giới tính: Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Địa chỉ: Thôn Lộc Hà, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, TP. Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

❖ **Bà Nguyễn Thị Xuân Hoa**

- Số CCCD: 002184000048 Ngày cấp: 10/08/2016 Nơi cấp: Hà Nội
 - Ngày sinh: 01/05/1984
 - Giới tính: Nữ
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Địa chỉ: Tổ 15 P.Giang Biên, Q.Long Biên, TP Hà Nội
 - Trình độ văn hóa: 12/12
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
-

Cơ cấu nhân sự

STT	Phân loại lao động	Số người	Tỷ trọng
I	Phân theo phòng ban		
1	Khối văn phòng	11	14,47%
2	Khối công nhân sản xuất	65	85,53%
	Tổng cộng	76	100%
II	Phân theo trình độ		
1	Đại học	11	14,47%
2	Cao đẳng	04	5,26%
3	Trung cấp	11	14,47%
4	Công nhân kỹ thuật	50	65,8%
	Tổng cộng	76	100%

Công tác đào tạo

Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.

Công tác lương thưởng

Đối với người lao động trong Công ty, tiền lương được hưởng theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho các cán bộ công nhân viên, nâng bậc lương theo niên hạn cho cán bộ công nhân viên.

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.500.000	5.600.000	5.806.000

Chính sách đãi ngộ, phúc lợi

Ngoài những quyền lợi được quy định trong Bộ Luật lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới các hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn,...

Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Công ty có chính sách khen thưởng theo qui định trong Bộ Luật lao động, người lao động có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020
Kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu	VNĐ	31.382.404.050	38.047.128.449
Doanh thu thuần	VNĐ	31.382.404.050	38.047.128.449
Lợi nhuận gộp	VNĐ	11.515.134.018	10.433.509.023
Chi phí hoạt động	VNĐ	7.076.236.6620	7.189.339.754
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	VNĐ	5.326.603.095	3.801.751.068
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	VNĐ	887.705.697	557.581.799
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	VNĐ	13.626.546	-786.354.129
Lợi nhuận trước thuế	VNĐ	5.340.229.641	3.015.396.939
Lợi nhuận sau thuế	VNĐ	4.589.961.059	2.240.414.010

Bảng cân đối kế toán			
Tổng tài sản	VNĐ	57.724.421.844	56.248.665.052
Vốn điều lệ	VNĐ	34.649.950.000	34.649.950.000
Vốn chủ sở hữu	VNĐ	46.942.175.776	45.286.341.088
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	7,95	3,98
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	9,77	4,94

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phần

Vốn điều lệ: : 34.649.950.000 đồng

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu

Mã chứng khoán: CDG

Số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.464.995 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.464.995 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: 84 cổ phiếu

Cổ phiếu của cổ đông nội bộ hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu;

Cổ phiếu của cổ đông chiến lược hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu;

Cổ phiếu của cán bộ công nhân viên hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu;

Số lượng cổ phần sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài: 0 cổ phần



Cơ cấu sở hữu

Danh mục cổ đông	Số cổ phiếu	%
Cổ đông lớn	2.255.784	65,11
Cổ đông khác	1.209.211	34,89

Tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn

Tên cổ đông	Số cổ phiếu	%	Tính đến ngày
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ tầng Đô thị	1.478.995	42,68	29/03/2020
Nguyễn Thị Phương (Vợ của ông Ngô Văn Chấm)	429.389	12,39	29/03/2020
Nguyễn Thị Liên (Vợ của ông Ngô Đức Dũng)	179.186	5,17	29/03/2020
Nguyễn Văn Minh	174.990	5,02	29/03/2020

Quá trình tăng vốn điều lệ

Lần	Thời gian hoàn thành đợt phát hành	Vốn điều lệ tăng thêm	Vốn điều lệ sau phát hành	Hình thức phát hành	Cơ sở pháp lý
1	26/06/2006	-	13.000.000.000	Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, phát hành ra công chúng	Giấy CNDKKD
2	01/10/2009	2.000.000.000	15.000.000.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giấy CNDKKD
3	26/07/2010	6.000.000.000	21.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giấy CNDKKD
4	19/09/2011	9.000.000.000	30.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giấy CNDKKD
5	05/10/2012	3.000.000.000	33.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng và trả cổ tức bằng cổ phiếu	Giấy CNDKKD
6	30/12/2013	1.649.950.000	34.649.950.000	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty	Giấy CNDKKD

CTCP CẦU ĐƯỜNG



C. BÁO CÁO & ĐÁNH GIÁ

CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi:

- Năng lực tài chính tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Cấp gạch vào các công trình lớn, tăng lượng tiêu thụ nên thúc đẩy quá trình sản xuất.
- Duy trì tốt, đảm bảo ổn định hiệu quả trong công tác thuê khoán.
- Thời tiết thuận lợi cho sản xuất gạch.
- Tìm được nhiều nguồn nguyên liệu đất, than chủ động cho sản xuất.

2. Khó khăn

- Lượng hàng tồn kho còn nhiều, chất lượng xuống cấp, phải hạ giá để tiêu thụ. Công tác tiêu thụ tiếp tục khó khăn về giá và lượng bán hàng bởi áp lực cạnh tranh của các đơn vị tư nhân có cùng thị trường.
- Công tác quản lý nhà nước về sử dụng đất ngày càng chặt chẽ nên Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc khai thác sử dụng mặt bằng, chi phí thuế đất cao làm tăng giá thành sản phẩm.
- Đại dịch COVID trực tiếp làm gián đoạn công tác sản xuất kinh doanh của Công ty (công tác vận chuyển nguyên vật liệu) và gián tiếp ảnh hưởng Công ty do các đơn vị ngừng thi công xây dựng (công tác bán hàng).

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020.

1. Thực hiện kế hoạch sản lượng sản xuất VLXD

- Tổng doanh thu tại công ty đạt 32,5 tỉ đồng bằng **113,2%** so với kế hoạch, bằng 83,5% so với năm 2019. Các chỉ tiêu cụ thể thể hiện ở **Phụ lục số 1 "Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020"**.
- Doanh thu về cơ bản tăng ở tất cả các hoạt động của Công ty, tuy nhiên tổng doanh thu giảm do lĩnh vực xây lắp và cơ khí dừng hoạt động.

1.1 Sản xuất vật liệu xây dựng

- Vật liệu xây dựng nung (tại XN Mai Lâm):
 - + Dừng lò 1 tháng đầu năm do công tác tiêu thụ chậm đồng thời tiến hành bảo dưỡng thiết bị.
 - + Thực hiện sản xuất **12.657.703** viên, tương ứng **20.355.585** viên QTC bằng **84,1%** so kế hoạch và **121,3%** so với năm 2019, trong đó cơ cấu sản phẩm có giá trị cao như gạch không trát, gạch lát, ngói thực hiện 6,9%. Lượng tiêu thụ toàn công ty bằng 106,2% lượng sản xuất, sản phẩm tồn kho giảm từ 8,615 tr viên năm 2019 xuống còn 7,07 triệu viên năm 2020.

- Vật liệu xây dựng không nung:

+ Đối với gạch không nung và ngói màu: Tiêu thụ hàng tồn kho không đáng kể, cụ thể bán được 4.083 viên các loại tương đương 7.337 viên QTC bằng 6,7% so với kế hoạch.

Doanh thu vật liệu không nung thực hiện 10,6 triệu đồng bằng 4,18% so với KH.

1.2 Lĩnh vực cơ khí, xây lắp:

1.3 Công tác thuê khoán, liên doanh hợp tác:

Doanh thu từ hoạt động cho thuê, liên doanh và hoạt động khác đạt 12,988 tỷ đồng.

Hoạt động thuê khoán:

- Đối với các hợp đồng đã ký và còn hiệu lực: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện nghĩa vụ đúng quy định theo hợp đồng. Đến nay một số đơn vị chưa hoàn thành việc thanh toán tiền thuê khoán năm 2020.

- Đối với các hợp đồng sắp hết hạn: Đàm phán với các đơn vị đang thuê tiếp tục hợp đồng theo hình thức gia hạn.

+ Việc thuê khoán dây chuyền tại Xí nghiệp Cầu Đuống đã thương thảo gia hạn hợp đồng với Công ty CP VLXD Cầu Đuống ngay trước khi Hợp đồng hết hiệu lực với giá thuê khoán trước thuế từ tháng 3 năm 2020 là 2,7 tỷ đồng/năm, thời gian gia hạn là 1 năm.

+ Dây chuyền sản xuất gạch không nung hết hạn vào 31/6/2020 đã ký gia hạn hợp đồng theo từng quý; đến nay đã thương thảo và ký hợp đồng mới với đơn vị Công ty CP SX VLXD Cầu Đuống với thời hạn 3 năm.

+ Dây chuyền sản xuất ngói màu hết hạn vào 31/12/2020 đã thanh lý hợp đồng và thương thảo ký hợp đồng mới tiếp tục với đơn vị Công ty TNHH Bình Minh với thời hạn 3 năm.

Hoạt động liên doanh hợp tác:

- Đã điều chỉnh các hợp đồng liên doanh và cho thuê nhằm đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với ngành nghề khu đất và kết hợp với đối tác khắc phục các quy định về phương thức hạch toán.

Quy hoạch lại mặt bằng XN Mai Lâm, đầu tư cải tạo cho thuê tại khu nhà vật tư cũ (giáp xưởng cơ khí) và kho than pha cũ; đến nay mới ký được hợp đồng cho thuê nhà mới đầu tư sau văn phòng Công ty.

Nhìn chung tất cả các hoạt động liên doanh và cho thuê khoán còn lại đều đem lại hiệu quả, các đơn vị nhận thuê khoán đều thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng. Tuy nhiên trong việc thanh toán của các đơn vị sản xuất gạch có tình trạng chậm trả do dịch COVID tình hình sản xuất khó khăn.

2. Công tác quản lý chất lượng sản xuất VLXD - Máy móc thiết bị:

- Nhìn chung công tác chất lượng tiếp duy trì ổn định, cán bộ kỹ thuật bố trí giám sát xuyên suốt quy trình nhằm kiểm tra chặt chẽ quá trình sản xuất. Việc phân loại sản phẩm được chú trọng thực hiện, các khâu, các bộ phận đều được thường xuyên nhắc nhở thực hiện đúng quy định nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, giữ được uy tín của công ty.

- Khai thác các nguồn cung cấp than đảm bảo chất lượng và giá thành hợp lý, duy trì sử dụng than xít, than nhiệt năng thấp để pha vào gạch mộc kết hợp việc sử dụng dây chuyền nghiền sa mốt vừa xử lý được chất thải rắn đồng thời phát huy được hiệu quả công nghệ mới nâng chất lượng sản phẩm. Trong năm đã tiến hành nhập đất với nhiều nguồn đảm bảo tính cạnh tranh, lượng dự trữ tăng nên chủ động trong sản xuất. Tỷ lệ phẩm cấp cơ bản đạt định mức tuy nhiên tiêu hao vật tư sử dụng cao hơn so với định mức do lượng đất cũ tồn cuối bãi đất sản xuất vẫn còn lẫn đá.

- Quản lý máy móc thiết bị: Công tác bảo dưỡng luôn được chủ động thực hiện và sửa chữa kịp thời tránh làm ảnh hưởng đến sản xuất. Thường xuyên nghiên cứu cải tiến công nghệ, đầu tư cơ giới hóa gần như 100% các công đoạn, lắp hệ thống tời, điều khiển từ xa, quạt chống nóng, chống bụi... nhằm cải thiện điều kiện cho người lao động.

3. Công tác thị trường và tiêu thụ sản phẩm:

Công tác tiêu thụ là vấn đề ngày càng khó khăn, để giải quyết vấn đề này Công ty đã thực hiện một số giải pháp sau:

- Liên tục nắm bắt tình hình bán hàng và nhu cầu của các khách hàng duy trì các mối quan hệ đã có, tìm kiếm mở rộng đại lý và khách hàng tiêu thụ mới.

- Thông qua khách hàng đi đến các công trình của nhà thầu thi công để nắm bắt được thực tế công trường nhằm đáp ứng được yêu cầu về chủng loại sản phẩm cũng như tiến độ của đơn vị thi công.

- Cơ cấu sản phẩm sản xuất theo nhu cầu thị trường, tập trung vào sản xuất các loại sản phẩm có nhu cầu lớn mà thị trường đang cần như gạch 6 lỗ, 2 lỗ 80; duy trì khai thác hợp đồng về các loại sản phẩm có giá trị cao như ngói, gạch bát, đặt hàng phục chế, với sản phẩm ngói mũi hài năm 2020 sản xuất không đủ cấp cho thị trường.

- Xây dựng kế hoạch sản xuất khớp với yêu cầu của thị trường nhằm giảm các chi phí ra lò, bốc xếp nhằm cạnh tranh về giá đối với các sản phẩm đưa vào công trình.

4. Tổ chức, lao động, tiền lương:

- Tổ chức:

Ban lãnh đạo Công ty đã thường xuyên rà soát, hợp chỉ đạo phân công nhiệm vụ cho bộ máy quản lý công ty. Điều chuyển phân công công việc cho cán bộ, công nhân trên tinh thần kiêm nhiệm thêm công việc và hạn chế các khâu trung gian để tiết giảm chi phí và tăng hiệu quả công việc.

- Lao động, việc làm:

+ Đặc thù sản xuất gạch là ngành nặng nhọc, lại ở địa bàn gần Hà Nội, sức hấp dẫn lao động rất thấp nên tình trạng lao động nghỉ việc mà không tuyển thêm được. Hiện tại xí nghiệp Mai Lâm chỉ còn 56 lao động trực tiếp, nhờ việc đầu tư, áp dụng công nghệ mới và bố trí sản xuất hợp lý giảm được hao phí lao động nên đã hạn chế tình trạng thiếu lao động.

+ Đào tạo công nhân có khả năng thành thạo một việc, biết làm được nhiều việc để bố trí thay thế khi cần thiết, tăng tính chủ động trong sản xuất.

- Tiền lương:

+ Xây dựng lại thang bảng lương và cải tiến phương pháp trả lương phù hợp hơn với từng bộ phận trực tiếp, gián tiếp trên cơ sở gắn với từng công việc cụ thể. Duy trì định mức đơn giá tiền lương cho công nhân, kết hợp với thưởng năng suất nhằm thúc đẩy sản xuất tăng việc làm và thu nhập cho người lao động. Tiền lương của cán bộ quản lý được xây dựng trả theo kết quả SXKD, cán bộ kỹ thuật được xây dựng trả theo kết quả sản xuất. Năm 2020 thu nhập bình quân người lao động đạt 5,8 triệu đồng, bằng **103,7%** so với năm 2019.

5. Công tác tài chính.

+ Do thuận lợi về tình hình tài chính nên mặc dù tiêu thụ chậm nhưng Công ty vẫn phục vụ đủ, kịp thời cho sản xuất và đầu tư quy hoạch lại mặt bằng tăng hiệu quả SXKD; Năm 2020 phần tài chính dôi dư đã lựa chọn được Ngân hàng có lãi cao hơn nhằm tăng hiệu quả tiền gửi.

+ Đầu tư tài chính khai thác trong lĩnh vực bất động sản, trong năm đấu giá trúng thầu được 2 lô đất tại thôn Du Nội xã Mai Lâm diện tích 80,9m² và 95,9m² với tổng giá trị hơn 4,3 tỷ đồng, dự kiến có lãi ngay sau khi đấu giá.

+ Duy trì chặt chẽ các quy định quản lý Công ty về quản lý tài chính, tài sản, vật tư.

6. Giải quyết hồ sơ đất đai:

Tiếp tục phối hợp với các ban ngành chức năng và thuê đơn vị tư vấn giải quyết các thủ tục về hồ sơ đất đai. Các việc đã giải quyết đến nay như sau:

Khu đất XN Mai Lâm Không nung tại xã Dục Tú: Đã ký được hợp đồng thuê đất mới với thời hạn hàng năm; Triển khai cắm xong mốc giới; đã thực hiện xây dựng tường rào phía Tây Bắc (gần nhà ông Trọng) và khu vực giáp với thôn Lý Nhân (hiện tại còn vướng mắc 1 hộ nên chưa xây được 1 vị trí). Đối với vị trí đất tại XN Không nung Dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn của Công ty Bình Dương dự kiến lấy toàn bộ 1,7ha, về chủ trương Công ty không đồng ý với vị trí của dự án này, Công ty đã gửi công văn đến các cơ quan của địa phương và thành phố yêu cầu di chuyển dự án ra khỏi khu đất của Xí nghiệp đến khu quy hoạch phù hợp.

Khu đất nhà cơ khí tại xã Mai Lâm: đã ký Phụ lục hợp đồng theo Hợp đồng số 354/HĐTD ngày 27/6/2014 (đã hết hạn năm 2016) với diện tích 4.983m² để tiếp tục sử dụng làm kho xưởng sản xuất, thời gian thuê đất hàng năm.

Hồ sơ đất của XN Cầu Đuống: Đã lựa chọn đơn vị định giá để thẩm định giá trị tài sản trên đất làm cơ sở xác định giá thuê đất.

Hồ sơ đất của XN Sóc Sơn: Đã xác định lại giá thuê đất; hợp đồng thuê đất còn hiệu lực đến 14/8/2022.

7. Công tác đầu tư:

Năm 2020 đã tiến hành đầu tư nhà kho chứa vật tư, thành phẩm đồng bộ với hệ thống hạ tầng như đường nội bộ, cấp thoát nước, điện,... nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại khu đất Xí nghiệp Mai Lâm:

- Nhà kho thành phẩm số 1: Sau văn phòng Công ty với diện tích 1.210m²
- Nhà kho thành phẩm số 2: Cạnh nhà cơ khí cũ với diện tích 638m²
- Cải tạo nhà kho than cũ với diện tích 480 m².
- Xây dựng tường rào đảm bảo an ninh xung quanh văn phòng Công ty với chiều dài 223,2m.
- Sơn bảo vệ bên ngoài và một phần bên trong nhà làm việc 3 tầng văn phòng Công ty.

Đến nay các công trình đã đi vào khai thác sử dụng một cách hiệu quả.

8. Kết quả

Với kết quả đạt được như trên, dự kiến Công ty có lãi năm 2020 là 5,34 tỷ đồng. Cụ thể:

- Xí nghiệp Mai Lâm (SX VLXD): kế hoạch lãi 12,5 triệu đồng - thực hiện lãi 221 triệu đồng (năm 2019 lỗ 1,818 tỷ đồng).
- Xí nghiệp không nung (bán sản phẩm tồn kho): kế hoạch lỗ 201,1 triệu đồng - thực hiện lỗ 56 triệu đồng (năm 2019 lỗ 184 triệu đồng).
- Hoạt động thuê khoán và hợp tác kinh doanh: kế hoạch lãi 3,775 tỷ đồng - thực hiện lãi **4,228** tỷ đồng - đạt **100,8%** so với kế hoạch, bằng **87,6%** so với cùng kỳ.
- Hoạt động tài chính tiền gửi: kế hoạch lãi 600 triệu đồng - thực hiện lãi 887,7 triệu đồng - đạt 148% so với kế hoạch, bằng 110,3% so với cùng kỳ.

TỒN TẠI:

1. Nguyên vật liệu:

- Nguồn nguyên liệu đất nguồn gốc chủ yếu vẫn là khai thác tại các công trình xây dựng do đó việc bố trí nhận đất phụ thuộc nhiều vào đơn vị cung ứng, chất lượng lẫn tạp chất khó kiểm soát. Việc quy hoạch kho bãi chứa đất cùng với kế hoạch nhận đất không ổn định nên khó kiểm soát được tỷ lệ pha trộn làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và tiêu hao vật tư.

2. Công tác kỹ thuật, chất lượng sản phẩm:

- Về công nghệ: tay nghề công nhân mới được đào tạo còn chưa đủ kinh nghiệm để xử lý các vấn đề về chế độ nung đốt. Cán bộ quản lý và kỹ thuật chưa kiểm soát triệt để quá trình công nghệ, bố trí kế hoạch sản xuất chưa phù hợp để sản phẩm bị nổ vỡ nhiều.

3. Công tác thị trường - tiêu thụ sản phẩm:

- Sản phẩm đến công trình phụ thuộc nhiều vào đại lý, tiếp thị về phương tiện vận chuyển và phương thức giao nhận. Chưa tiếp cận được trực tiếp với nhà thầu hoặc chủ đầu tư do vậy giá bán thường bị đẩy cao khó tiếp cận vào công trình.

- Sản phẩm đôi khi không sản xuất kịp, đặc biệt là ngói và gạch bát nên không đáp ứng được tiến độ công trình nên khách hàng chuyển đơn vị cung ứng khác..

- Việc phối hợp tiêu thụ sản phẩm trong nội bộ với Tổng Công ty đã được triển khai nhưng giá bán thấp không hiệu quả.

4. Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

4.1 Tổ chức:

- Việc xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có năng lực kế cận nhằm duy trì và phát triển Công ty còn có phần hạn chế. Công tác tư tưởng, tạo dựng niềm tin cho người lao động còn kém hiệu quả do đó không tuyển dụng thêm được người có năng lực, một số cán bộ xin chuyển công tác.

4.2 Lao động:

- Việc tuyển chọn lao động không thực hiện được, công việc nặng nhọc nên không giữ được lao động; các bộ phận quan trọng vẫn phải sử dụng lao động có trình độ tay nghề thấp.

4.3 Tiền lương: Thu nhập giữa các bộ phận có sự chênh lệch. Thu nhập bình quân toàn công ty chỉ đạt 5,8 triệu đồng/người.

5. Công tác tài chính - kế toán

- Chưa tận dụng hết nguồn lực để nâng thêm thu nhập từ mặt bằng, nhà xưởng để cho thuê do chưa hoàn thiện hết thủ tục đất đai.

- Công tác đôn đốc thu hồi công nợ của các Hợp đồng thuê khoán vẫn còn tình trạng chậm thanh toán.

II. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Dự báo tình hình

Dự báo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 sẽ rất khó khăn do hậu quả để lại của đại dịch COVID, đồng thời chịu sự cạnh tranh của những đơn vị tư nhân trong khu vực.

- Chi phí sản xuất khả năng tiếp tục tăng như chi phí về môi trường, tiền lương, bảo hiểm xã hội...

- Tình hình thời tiết sẽ khắc nghiệt hơn ảnh hưởng đến sản xuất.

- Ngành sản xuất gạch đem lại hiệu quả không cao nên hiệu quả thuê khoán các đơn vị làm gạch sẽ giảm.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 (Phụ lục 2)

Mục tiêu:

- Duy trì ổn định sản xuất, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty lãi: 5,4 tỷ đồng.
- Doanh thu: 32,315 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Doanh thu VLXD: 18,817 tỷ đồng
 - + Doanh thu từ cho thuê khoán, đầu tư tài chính: 13,498 triệu đồng

Các biện pháp chủ yếu

3.1. Công tác đầu tư :

- Đầu tư xây dựng nhà kho tại Xí nghiệp Mai Lâm với diện tích khoảng 756m² để khai thác hiệu quả việc sử dụng đất.

3.2 Sản xuất:

Vật liệu xây dựng nung:

- Kế hoạch sản xuất tại các Xí nghiệp: Xí nghiệp Mai Lâm tắt lò 2 tháng do tiêu thụ chậm.
- Về sản phẩm:
 - + Gạch lỗ các loại: 82,7%
 - + Gạch đặc: 5,5%
 - + Ngói, gạch bát, gạch không trát: 11,8%

3.3 Cung cấp nguyên liệu:

- Tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm các nguồn nguyên liệu đất tốt để đảm bảo duy trì hoạt động và nâng cao chất lượng sản phẩm tại xí nghiệp Mai Lâm. Duy trì và khai thác nguồn cung cấp than nhiệt thấp ổn định hơn có giá thành rẻ để bổ xung cho nguồn sa mốt hiện có.

3.4 Công tác thị trường:

- Kết hợp việc điều tiết sản xuất sản phẩm linh hoạt, đảm bảo tiến độ cung cấp sản phẩm và chính sách giá cả theo yêu cầu hợp lý của khách hàng.

- Tiếp tục tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng lại các chính sách bán hàng cho phù hợp để thúc đẩy đại lý tiêu thụ sản phẩm. Điều chỉnh chính sách và giá bán phù hợp để tiêu thụ gạch không nung và ngói màu tồn kho.
- Chủ động và đa dạng hóa các kênh vận chuyển để cung cấp cho khách hàng sản phẩm có giá đến công trình phù hợp nhất.

3.5 Công tác kỹ thuật, quản lý máy móc thiết bị, an toàn:

- Phát huy hiệu quả việc đầu tư tại XN Mai Lâm, duy trì ổn định sản xuất nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí lao động, than, điện.
- Quản lý máy móc thiết bị: đẩy mạnh áp dụng các biện pháp kỹ thuật để nâng cao năng suất chất lượng SP. Duy trì bảo dưỡng máy móc thiết bị ổn định phục vụ cho sản xuất.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị cơ giới để nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, đảm bảo sản xuất được an toàn.
- Chất lượng sản phẩm: Sửa chữa, cải tạo lò nung sấy, xe goòng, bảo dưỡng thiết bị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm giá trị cao về hình thức mẫu mã, chi tiêu cơ lý, nghiên cứu tăng năng lực sản xuất nhằm đảm bảo tiến độ cấp hàng khi có hợp đồng. Phấn đấu cải thiện công nghệ sản xuất giảm tỷ lệ phế phẩm và tiêu hao vật tư thấp hơn định mức. Giữ vững uy tín về thương hiệu sản phẩm.

3.6 Công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

Tổ chức:

- Giữ ổn định bộ máy quản lý của Công ty và Xí nghiệp

Lao động:

Đối với bộ máy quản lý:

- Phân công chức năng nhiệm vụ của từng cá nhân theo từng giai đoạn phù hợp với năng lực và yêu cầu công việc, loại bỏ dần các khâu trung gian.
- Giao việc, hướng dẫn nhằm nâng cao năng lực cán bộ nhân viên quản lý theo hướng mỗi cá nhân cần có năng lực quản lý trực tiếp điều hành một mặt cụ thể của hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tự chịu trách nhiệm về công việc được giao.

Đối với Công nhân:

- Đối với lao động có trình độ, tay nghề cần có biện pháp khuyến khích tạo điều kiện để yên tâm công tác.
- Đào tạo, hướng dẫn công nhân làm được nhiều việc trong dây chuyền để chủ động trong việc điều hành sản xuất.
- Tìm biện pháp cơ giới hóa khâu ra lò để giảm hao phí lao động, kết hợp với việc tiếp tục triển khai bán gạch trên goòng để giảm chi phí khâu ra lò.

Phấn đấu tăng năng suất giảm dần hao phí lao động xuống còn 2,2 người/triệu viên.

Tiền lương:

- + Tiếp tục điều chỉnh lại định mức lao động, đơn giá tiền lương các loại sản phẩm cho sát với thực tế và xây dựng cơ chế thưởng nhằm khuyến khích lao động.

3.7 Công tác tài chính:

- Giải quyết dứt điểm công tác thu hồi công nợ tồn đọng và các vấn đề tồn tại về tài chính.
- Nâng cao hiệu quả sản xuất, giảm giá thành, tăng giá trị sản phẩm đầu ra. Tích cực thu hồi công nợ, thanh toán kịp thời cho các khoản vay, nợ.
- Duy trì tiền gửi tại Ngân hàng có lãi cao hơn tăng hiệu quả của phần tài chính dôi dư.
- Quy hoạch sử dụng đất hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng nhằm tăng thêm nguồn thu cho Công ty.
- Tìm thêm các đối tác cung ứng vật tư để nâng cao tính cạnh tranh, giảm chi phí đầu vào.
- Thanh lý nhà xưởng tại vị trí gần đường quốc lộ 3.

3.8 Hoạt động cho thuê khoán, liên doanh:

- Đối với các hợp đồng đã ký: duy trì công tác kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuê khoán thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đúng quy định theo hợp đồng.

- Đối với các hợp đồng sắp hết hạn:

+ Xí nghiệp Sóc Sơn, Không nung: Đàm phán với các đơn vị đang thuê tiếp tục hợp đồng nếu có nhu cầu, cần tính toán lại chi phí cho phù hợp với thị trường.

+ Xí nghiệp Cầu Đuống: Làm việc lại với đơn vị thuê khoán, giải quyết các vấn đề còn tồn đọng, quy hoạch lại mặt bằng tìm đối tác liên doanh liên kết nâng cao hiệu quả SXKD.

- Nghiên cứu điều chỉnh hợp đồng cho đảm bảo tính pháp lý, phù hợp với ngành nghề khu đất và kết hợp với đối tác khắc phục các quy định về phương thức hạch toán.

- Đối với các dự án đầu tư mới: Tìm đối tác để kết hợp quy hoạch đầu tư phù hợp với mục đích sử dụng nâng cao được hiệu quả đầu tư.

4. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Cải tạo, duy tu các công trình và hạ tầng các đơn vị nhằm tiếp tục khai thác vào sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Đầu tư lắp dựng nhà kho vật tư, thành phẩm 42x18m tại Xí nghiệp Mai Lâm nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Xí nghiệp Cầu Đuống: Quy hoạch, xây dựng, đầu tư cải tạo nhà kho để tìm hướng khai thác hiệu quả.

- Cải tạo nâng cấp và mở rộng nhà dưỡng hộ sản phẩm 60x24m tại Xí nghiệp không nung.

5. Công tác quản lý đất đai:

- Tích cực làm việc với cơ quan chức năng để hoàn thiện các trình tự thủ tục để đến giai đoạn ký Hợp đồng thuê đất và xác định mốc giới tại Xí nghiệp Cầu Đuống.



D. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các hoạt động của công ty trong năm 2020

Năm 2020 có thể nói là một năm đầy khó khăn và thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Kinh tế thế giới được dự báo suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử, tăng trưởng của các nền kinh tế lớn đều giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19.

Trong nước, thiên tai, dịch bệnh tác động không nhỏ tới các hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân; tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm ở mức cao. Tuy nhiên, với những giải pháp quyết liệt và hiệu quả trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế – xã hội”, kinh tế Việt Nam vẫn đạt kết quả tích cực với việc duy trì tăng trưởng GDP ước tính đạt 2,91%.

Đối với ngành xây dựng, năm 2020 mức tăng trưởng chỉ đạt 6,76%, là mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn phát triển 2016 – 2020.

Tại công ty, từ đầu năm 2020 nhờ công tác định hướng thị trường kịp thời chuyển đổi, hướng vào cung cấp sản phẩm cho các tập đoàn lớn, cụ thể là cung cấp được gạch 6 lỗ cho Tập đoàn VinGroup nên mặc dù quý 2/2020 nhiều công trình xây dựng bị đình trệ do thực hiện cách ly toàn xã hội từ 0 giờ ngày 01/4/2020 trên phạm vi toàn quốc, nhưng công ty vẫn tiêu thụ được hàng và sau nhiều năm thua lỗ, năm 2020 công ty đã có lãi trên lĩnh vực SXKD vật liệu xây dựng. Quyết liệt trong công tác thu hồi công nợ với nhiều giải pháp thiết thực như bù trừ cổ tức – gạch với Tổng Công ty UDIC, chú trọng công tác soạn thảo hợp đồng với những điều kiện thanh toán đảm bảo, bám sát các khách hàng và thường xuyên đôn đốc thanh toán, dẫn đến công tác thu hồi công nợ rất hiệu quả, thậm chí một số khoản nợ khó đòi trước đây đã có hướng xử lý. Kết quả nhiều chỉ tiêu SXKD toàn công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông đề ra. Số liệu thể hiện tại chi tiết kết quả SXKD năm 2020 dưới đây.

I . Kết quả SXKD năm 2020.

- SP sản xuất quy TC: 20,36 triệu viên đạt 84,11% KH, bằng 124,26% so với năm 2019.
- Doanh thu (bao gồm doanh thu bán hàng, dịch vụ, doanh thu tài chính và thu nhập khác) là: 32,5 tỷ đồng đạt 113,17% kế hoạch, bằng 83,49% so với năm 2019.
- Nộp ngân sách: 9,2 tỷ đồng đạt 100% theo quy định, bằng 90,75% so với năm 2019.
- Thu nhập bình quân: 5,8 triệu đồng/người/tháng, đạt 105,56 % KH, bằng 103,68% so với năm 2019.
- Lợi nhuận lãi 5,34 tỷ đồng. Kế hoạch 2020 lãi 4,66 tỷ đồng nên lợi nhuận năm 2020 đạt 114,45% so với kế hoạch và bằng 177,1% so với 2019 (lãi 3,01 tỷ đồng)

Trong đó:

- + Xí nghiệp Mai Lâm lãi: 0,22 tỷ đồng
- + Xí nghiệp Cầu Đống lãi: 1,54 tỷ đồng.
- + Xí nghiệp Sóc Sơn lãi: 1,77 tỷ đồng.
- + Xí nghiệp Không nung lỗ: - 0,06 tỷ đồng.
- + Thuê khoán, hợp tác đầu tư, bán vật tư lãi: 0,84 tỷ đồng
- + Các hoạt động khác lỗ: - 0,02 tỷ đồng.
- + Lãi từ hoạt động tài chính : 1,04 tỷ đồng.

Như vậy, năm 2020 trong tình hình suy thoái kinh tế trong nước nói chung và ngành xây dựng nói riêng, công ty chúng ta vẫn duy trì ổn định SXKD, đặc biệt là lợi nhuận năm 2020 đạt được 177,1% so với cùng kỳ, vừa đảm bảo công ăn việc làm cho người lao động, đồng thời đem lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông. Điều này đã khẳng định định hướng kinh doanh mà Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 đã thông qua là hoàn toàn đúng đắn và phù hợp với xu thế thị trường.

II . Hoạt động của HĐQT năm 2019 :

Năm 2020 là năm thứ 2 của nhiệm kỳ 2019-2024.

Bám sát mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Năm 2020 HĐQT họp 05 phiên với các nội dung chính như sau:

- Tổng hợp phân tích kết quả SXKD năm 2019, xây dựng phương hướng SXKD năm 2020.
- Tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
- Quy hoạch lại mặt bằng Mai Lâm, Cầu Đuống, Không Nung theo định hướng Đầu tư tài sản hoặc đi thuê tài sản, thuê tài chính để cho thuê. Đã đầu tư làm mới được 02 nhà kho thành phẩm với tổng diện tích 1.848m² và cải tạo nhà kho than cũ với diện tích 480m² đưa vào sử dụng.
- Tiến hành đầu tư Bất động sản, góp vốn mua 02 lô đất tại thôn Du Nội, xã Mai Lâm với giá trị vốn góp 4,3 tỷ đồng.
- Tiếp tục gia hạn cho thuê 01 năm Xí nghiệp gồm XD Cầu Đuống đến 29/02/2021. Nghiên cứu triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tại khu đất này sau khi hết thời gian gia hạn.
- Tiếp tục triển khai việc trả lương của cán bộ quản lý theo kết quả SXKD để tăng tính tích cực, chủ động của cán bộ trong điều hành.
- Quyết liệt trong triển khai các công việc liên quan đến việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của công ty.

Kết quả ngày 02/03/2020 đã ký được Hợp đồng thuê 72.927,3m³ đất tại xã Dục Tú nơi đặt trụ sở công ty và các XN Mai Lâm, Không Nung.

Ngày 17/11/2020 ký được phụ lục hợp đồng thuê khu đất 4.983m² đất tại xã Mai Lâm (khu XN Cơ khí).

Tiếp tục hoàn thiện thủ tục ký hợp đồng thuê đất XN Cầu Đuống.

- Về mốc giới, công ty đã xây mới được 223,2m tường rào, cơ bản giải quyết việc tranh chấp đất giữa thôn Lý Nhân và Công ty trong nhiều năm qua. Tuy nhiên vẫn còn 01 hộ gia đình chưa chấp thuận giải tỏa, HĐQT sẽ tích cực xử lý để sớm kết nối nốt khoảng 10m tường rào cuối cùng, khép kín toàn bộ diện tích phần đất nổi của công ty. Còn diện tích ao hồ lấp đến đâu sẽ xây tường rào đến đó.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý I, II, III, tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 và lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 2021.
- Xây dựng Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

*** Kiểm điểm hoạt động của HĐQT :**

1. Năm 2020 HĐQT đã tích cực, chủ động trong việc triển khai nghị quyết của Đại hội cổ đông. Đặc biệt chú trọng đến sản xuất Vật liệu xây dựng để giữ gìn thương hiệu của công ty và đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động, Kết quả SXKD VLXD đã có lãi sau nhiều năm thua lỗ. Tuy nhiên, chất lượng sản phẩm, tỷ lệ phế phẩm vẫn chưa đạt được như kỳ vọng.

2. Việc hoàn thiện thủ tục hồ sơ đất, việc triển khai đầu tư tài chính và nhiều vấn đề phát sinh khác cần được giải quyết trong khi nguồn lực của doanh nghiệp có hạn, đã làm chậm tiến độ thực hiện ảnh hưởng tới đa hóa nguồn thu của doanh nghiệp.

3. Mặc dù năm 2020 hoàn thành vượt mức kế hoạch về lợi nhuận, nhưng trong những năm tới HĐQT vẫn cần rất nhiều nỗ lực, cố gắng mới có thể đảm bảo cổ tức 8% - 12%/năm mà Đại hội cổ đông đã đề ra.

4. * Đánh giá cụ thể các mặt chưa làm được :

- Trình độ năng lực của cán bộ nhân viên chưa đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, còn thụ động trong công việc, chưa đề xuất được giải pháp khả thi để giải quyết khó khăn, thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, tăng cường tiêu thụ.
- Công tác kỹ thuật, công nghệ vẫn còn yếu kém: quản lý vật liệu đầu vào còn thiếu chặt chẽ dẫn đến lãng phí chất làm cho vô nỏ, tỷ lệ phế phẩm cao, chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh tại Xí nghiệp Mai Lâm.
- Công tác hạch toán còn hạn chế dẫn đến kết quả kinh doanh từng lĩnh vực chưa phản ánh đúng thực tế, gây khó khăn cho công tác quản trị.
- Sử dụng nhiều lao động cho nên chi phí cao, dẫn đến khó cạnh tranh về giá. Đặc biệt trong tình hình cung vượt cầu, các cơ sở tư nhân sẽ hạ giá bán. Nếu công ty hạ giá thì SXKD vật liệu lại tiếp tục rơi vào thua lỗ.
- Tình trạng thiếu hụt công nhân trực tiếp sản xuất do sản xuất kinh doanh hiệu quả thấp, chưa có điều kiện nâng cao thu nhập vì vậy không tuyển được lao động mới, trong khi lao động cũ ngày càng mai một.
- Việc triển khai làm hồ sơ thủ tục thuê đất chưa hoàn thành theo kế hoạch của đại hội cổ đông và HĐQT công ty.
- Việc quy hoạch tận dụng mặt bằng tại các khu đất để đầu tư tài chính tăng thêm nguồn thu cho doanh nghiệp và triển khai dự án đầu tư vẫn còn chậm.

III . Định hướng 2021.

1. Dự báo tình hình:

- Theo đánh giá của các chuyên gia, năm 2021 xây dựng trong phân khúc bất động sản bán lẻ, nghỉ dưỡng, khách sạn, văn phòng, chung cư sẽ bị cắt giảm để ổn định giá bán. Chỉ có bất động sản công nghiệp sẽ là “điểm sáng” của thị trường trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài nhờ các hiệp định thương mại tự do và xu hướng dịch chuyển chuỗi sản xuất trên thế giới.

Xu thế này đã ảnh hưởng trực tiếp đến lĩnh vực SXKD vật liệu xây dựng của công ty. Từ tháng 12/2020 sản lượng tiêu thụ của công ty đã sụt giảm do các Tập đoàn mua hàng của công ty không bán được Nhà nên đã cắt giảm quy mô dự án nhà ở, tạm hoãn khởi công xây dựng nhiều công trình. Mặt khác, đội ngũ tiếp thị của công ty do không thu hồi được công nợ nên cũng dừng cấp hàng cho các đối tác dẫn tới hàng hóa của công ty đã bắt đầu ứ đọng.

- Giá thuê đất của công ty sẽ có xu hướng tăng do Đông Anh đang hoàn thành thủ tục thành lập Quận.

- Nguyên liệu đất không ổn định lại phải đa dạng hóa sản phẩm, kết hợp với trình độ cán bộ kỹ thuật còn hạn chế sẽ ảnh hưởng chất lượng sản phẩm. Tỷ lệ sản phẩm loại 2 nhiều, giá bán thấp sẽ làm sụt giảm hiệu quả SXKD.

- Cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại trên thị trường vẫn sẽ rất khốc liệt do quá nhiều các doanh nghiệp tư nhân đầu tư xây dựng nhà máy mới, họ có nhiều lợi thế về nguồn nguyên vật liệu, giá thuê đất, công nghệ mới, cơ chế bán hàng linh hoạt....

- Tình hình Dịch bệnh Covid-19 trên thế giới vẫn rất phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ ảnh hưởng thị trường tiêu thụ và hoạt động SXKD các ngành nói chung và lĩnh vực sản xuất VLXD nói riêng.
- Năm 2021 sẽ là năm tiếp tục khó khăn trong hoạt động SXKD vật liệu xây dựng và thu hút đầu tư của công ty.

2. Định hướng SXKD năm 2021 :

- Tiếp tục phấn đấu thực hiện KH SXKD đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2019-2024 đã đề ra.

2.1 Mục tiêu cụ thể năm 2021:

- SP sản xuất quy đổi TC : 22 triệu viên.
- Doanh thu đạt: 32,31 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách: 100% theo quy định.
- Thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/người/tháng.
- Lợi nhuận: 5,4 tỷ đồng.
- Cổ tức: 8-12%.

2.2 Định hướng SXKD :

- Công ty khẩn trương hoàn thiện việc thuê đất tại XN Cầu Đuống trong năm 2021.
- Tiến hành quy hoạch các khu đất của công ty, căn cứ mục đích sử dụng đất, tiến hành đầu tư, thuê mua tài chính, thiết bị, tài sản để tự kinh doanh hoặc hợp tác kinh doanh, cho thuê, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế vị trí đất của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện công nghệ tại XN Mai Lâm nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, sản xuất các loại sản phẩm chất lượng tính cạnh tranh cao, hiệu quả để phát huy tối đa hiệu quả đầu tư và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.
- Tăng cường công tác tìm kiếm việc làm, tiêu thụ sản phẩm. Song hành cùng công tác sản xuất, bán hàng, hợp tác kinh doanh cần đặc biệt chú trọng công tác thu hồi công nợ, thu hồi vốn về Công ty, tạo tiềm lực để hoạt động SXKD một cách hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận.
- Nghiên cứu lựa chọn đầu tư những hướng kinh doanh mới nhằm phát huy lợi thế, tiềm năng của công ty.

3. Một số giải pháp cần thực hiện năm 2021:

Năm 2021 là năm thứ 3 của nhiệm kỳ HĐQT 2019-2024 đề nghị TGD và bộ máy quản lý tập trung quyết liệt hoàn thành các nhiệm vụ sau:

- Về hồ sơ đất: Tích cực liên hệ với cơ quan chức năng để hoàn thành hồ sơ đất đai của khu đất XN Cầu Đuống.

- Về SXKD Vật liệu xây dựng nung:

+ Tiếp tục tuyển dụng cán bộ quản lý sản xuất công nghệ có tâm, có năng lực, nhiệt huyết với công việc đồng thời không ngừng nghiên cứu, học tập nâng cao hiệu quả đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng các định mức chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật sát với thực tế sản xuất theo hướng khuyến khích, có lợi cho người lao động hoàn thành nhiệm vụ. Mục tiêu để sản xuất ra những sản phẩm với chất lượng tốt nhất, hạn chế phế phẩm, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong giai đoạn hiện nay.

+ Nghiên cứu kỹ về thị trường, mở rộng mối quan hệ hợp tác với các khách hàng mới để đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm theo nhu cầu thị trường, đảm bảo nguồn lợi nhuận (như gạch 6 lỗ đã thực hiện trong năm 2020). Tiếp tục bám sát các đối tác truyền thống như Tổng Công ty UDIC, các đối tác nhà cung cấp cho dự án của Vingroup... Kiện toàn lại hệ thống đại lý, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt và chủ động.

+ Lập kế hoạch truyền thông, củng cố việc quản lý trang Web quảng bá hình ảnh công ty để quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu công ty.

+ Thành lập ban thu hồi công nợ, giao nhiệm vụ cụ thể có thời hạn đến từng cán bộ quản lý, nhân viên.

+ Thực hiện nghiêm các quy định, nội qui về ATLĐ chống cháy nổ, vệ sinh công nghiệp, đảm bảo vệ sinh môi trường cho công ty, sức khỏe người lao động.

+ Hoàn thiện Quy chế thi đua khen thưởng theo hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng xuất lao động để động viên khuyến khích người lao động hoàn thành kế hoạch.

- Về SXKD Vật liệu xây dựng Không Nung:

Đẩy mạnh việc tiêu thụ hàng tồn kho, thanh lý máy móc thiết bị không có nhu cầu sử dụng, lấy mặt bằng tiến hành đầu tư tài chính.

- Về Đầu tư tài chính:

+ Hoàn thiện quy hoạch khu đất Văn phòng, XN Mai Lâm, XN Không Nung. Tiếp tục đầu tư xây nhà kho tại các khu đất đã giải phóng mặt bằng để đưa vào SXKD.

+ Xây dựng phương án quy hoạch, đầu tư tài chính khu đất XN Cầu Đuống sau khi hết hạn hợp đồng thuê khoán sản xuất gạch nung.

+ Công ty sẽ thanh lý nhà xưởng tại vị trí gần đường quốc lộ 3.

- Về hoạt động thuê khoán:

Công ty thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện hợp đồng thuê khoán, kiểm tra tình trạng sử dụng đất của các đơn vị thuê khoán, không để phát sinh việc tự ý xây dựng, cơ nới. Bảo toàn lợi ích của công ty, đảm bảo an ninh chính trị, môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật. KIỆN TOÀN LẠI HỒ SƠ PHÁP LÝ ĐỂ TRÁNH RỦI RO KHI KẾT THÚC, BÀN GIAO LẠI CÁC XN CHO THUÊ KHOÁN.



E. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

Giới thiệu Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Vũ Đình Trường	Chủ tịch HĐQT – Thành viên HĐQT không điều hành
2	Ngô Đức Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành
3	Ngô Văn Chăm	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ngô Thành An	Thành viên HĐQT điều hành – Tổng Giám đốc
5	Trần Minh Quân	Thành viên HĐQT không điều hành

2. Ban kiểm soát

Giới thiệu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Tuấn	Trưởng BKS
2	Vũ Thị Dung	Thành viên BKS
3	Nguyễn Thị Huệ	Thành viên BKS



F BÁO CÁO

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1. Tổng quan

Phát triển và mở rộng các khu công nghiệp đang là xu thế tất yếu trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa. Nhưng vấn đề quan trọng là làm sao giải quyết hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và nâng cao đời sống của người dân, kiểm soát mức độ ô nhiễm môi trường trong phạm vi cho phép. Chính bởi vậy, một trong những yếu tố quan trọng để doanh nghiệp phát triển bền vững là mở rộng sản xuất phải gắn với bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường hiệu quả sẽ giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin trên thị trường, hướng tới sự phát triển mang tính bền vững cho cả doanh nghiệp và cộng đồng.

Với các doanh nghiệp, ngoài cân nhắc tối đa hóa lợi nhuận, việc tìm ra một lối đi mới nhằm thực hiện tốt trách nhiệm xã hội có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Trong đó những cam kết bảo vệ môi trường hiệu quả đóng vai trò quan trọng giúp doanh nghiệp gia tăng giá trị của mình, có được lòng tin của công chúng cũng như sự đồng thuận từ phía người dân và chính quyền các cấp. Trường hợp vi phạm của nhiều doanh nghiệp trong khoảng thời gian gần đây ở công tác xử lý chất thải trong quá trình sản xuất là bài học đắt giá về việc coi trọng lợi nhuận bất chấp hủy hoại môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe và đời sống của người dân cư trú gần khu công nghiệp. Hàng loạt các hệ lụy đáng tiếc sẽ không xảy ra nếu doanh nghiệp có ý thức sớm hơn trong việc đề cao trách nhiệm với môi trường và cộng đồng địa phương ngay khi bắt tay vào việc xây dựng tổ hợp sản xuất.

2. Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình dự kiến năm 2020

a. Về môi trường

Với phương châm duy trì sản xuất kinh doanh dựa trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe người lao động và bảo vệ môi trường, Công ty hướng tới mục tiêu cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường.

+ Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định về môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty tin tưởng phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Bố trí nhân sự và đào tạo, huấn luyện định kỳ cho đội ngũ cán bộ phụ trách môi trường.

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải, xử lý khói, bụi và các giải pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ quản lý, nhân dân và các doanh nghiệp.

Công tác bảo vệ môi trường đã được Công ty lên kế hoạch và dự kiến thực hiện tốt trong năm 2020 để không xảy ra bất kỳ sự cố nào về môi trường và không có ghi nhận vi phạm pháp luật trong các đợt thanh kiểm tra của cơ quan chức năng các cấp.



b. Về xã hội

Cấp phát đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân cho 100% cán bộ nhân viên của công ty làm việc tại nhà máy, các kho.

+ Thường xuyên kiểm kê và đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu hộ cứu nạn của đơn vị nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

+ Tổ chức các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn.

+ Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý, kết hợp với bảo vệ môi trường, xây dựng nhà máy, xí nghiệp xanh - sạch - đẹp.

+ Tham gia công tác quản lý, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động.

Với quan điểm và phương châm phát triển bền vững, Công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong điều kiện kinh tế khó khăn, nhiều biến động, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020 ĐÃ KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUỐNG

Ngày kiểm toán viên ký xác nhận báo cáo tài chính: 12/03/2021

Đơn vị kiểm toán: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

MỤC LỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2020

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC _____	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP _____	4-5
Bảng cân đối kế toán _____	6-7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh _____	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ _____	9-10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH _____	11-31

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 31

2022
CÔNG
CH NHIỆM
M TOÁN V
VIỆT
GIẤY

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cầu Đuông (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Vũ Đình Trường	Chủ tịch
Ông Ngô Đức Dũng	Thành viên
Ông Trần Minh Quân	Thành viên
Ông Ngô Văn Chăm	Thành viên
Ông Ngô Thành An	Thành viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Ngô Thành An	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tiến Đạt	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG



Ngô Thành An
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021



Số: 84 - 21/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Cầu Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 09/03/2021, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

01202
CÔNG
CH NHIỆ
M TOÁN
VIỆT
GIẤY

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
(tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Bá Duy
Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.023.093.960	35.635.712.498
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.540.726.050	2.360.731.843
1. Tiền	111	V.1.	1.540.726.050	2.360.731.843
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.000.000.000	12.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	13.000.000.000	12.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.167.358.647	6.820.358.501
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	3.387.961.154	6.186.875.832
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	157.500.000	117.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	705.974.931	600.060.107
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(84.077.438)	(84.077.438)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7.	13.095.160.137	13.959.838.117
1. Hàng tồn kho	141		13.482.121.446	14.104.757.952
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(386.961.309)	(144.919.835)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		219.849.126	494.784.037
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		219.849.126	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14.	-	494.784.037
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.701.327.884	20.612.952.554
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.306.660.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.	4.306.660.000	-
II. Tài sản cố định	220	V.9.	17.921.344.872	17.159.008.374
1. Tài sản cố định hữu hình	221		17.921.344.872	17.159.008.374
- Nguyên giá	222		76.179.615.418	73.445.299.988
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58.258.270.546)	(56.286.291.614)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10.	2.656.363.636	2.656.363.636
- Nguyên giá	231		2.656.363.636	2.656.363.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	17.169.717
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	-	17.169.717
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		816.959.376	780.410.827
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	816.959.376	780.410.827
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		57.724.421.844	56.248.665.052

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.782.246.067	10.962.323.964
I. Nợ ngắn hạn	310		10.262.926.067	10.962.323.964
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	1.367.293.363	899.433.436
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	12.492.560	135.743.756
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	379.039.356	1.425.570.695
4. Phải trả người lao động	314		932.140.700	716.865.064
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	54.475.934	63.074.200
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	194.800.000	5.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16.	2.501.154.266	6.620.814.889
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.	4.782.456.415	987.900.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		39.073.473	107.921.924
II. Nợ dài hạn	330		519.320.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16.	519.320.000	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.942.175.777	45.286.341.088
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.	46.742.175.777	45.086.341.088
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		34.649.950.000	34.649.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		34.649.950.000	34.649.950.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		769.975.000	769.975.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(840.000)	(840.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.733.129.717	7.426.111.917
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.589.961.060	2.241.144.171
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	730.161
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		4.589.961.060	2.240.414.010
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		200.000.000	200.000.000
1. Nguồn kinh phí	431		200.000.000	200.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		57.724.421.844	56.248.665.052

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 - DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	31.382.404.050	38.047.128.449
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		31.382.404.050	38.047.128.449
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	19.867.270.032	27.613.619.426
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		11.515.134.018	10.433.509.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	1.042.319.530	804.695.107
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	154.613.833	247.113.308
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		154.613.833	94.967.308
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7.	584.959.609	873.120.437
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7.	6.491.277.011	6.316.219.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.326.603.095	3.801.751.068
11. Thu nhập khác	31	VI.5.	32.458.202	1.800.000
12. Chi phí khác	32	VI.6.	18.831.656	788.154.129
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		13.626.546	(786.354.129)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.340.229.641	3.015.396.939
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	750.268.581	774.982.929
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		4.589.961.060	2.240.414.010
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	1.324,70	599,79

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Tổng Giám đốc



Ngô Thành An

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		5.340.229.641	3.015.396.939
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2.780.832.316	2.986.730.411
- Các khoản dự phòng	03		242.041.474	(562.099.042)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(702.233)	(734.305)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.055.543.681)	(789.932.393)
- Chi phí lãi vay	06		154.613.833	94.967.308
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.461.471.350	4.744.328.918
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.378.725.235)	8.013.057.680
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		622.636.506	5.055.496.404
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(3.063.874.837)	(7.835.718.615)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(36.548.549)	172.802.361
- Tiền lãi vay đã trả	14		(148.474.933)	(93.469.508)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(900.000.000)	(1.042.005.664)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(231.046.022)	(521.611.121)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.325.438.280	8.492.880.455
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.572.072.713)	(1.399.463.255)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		60.000.000	10.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	225.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.041.617.297	632.170.277
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.470.455.416)	(3.531.383.887)

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2020	Năm 2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		7.123.726.522	5.201.087.544
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.329.170.107)	(5.640.516.658)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.470.247.305)	(3.817.898.665)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		324.309.110	(4.257.327.779)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>	50		(820.708.026)	704.168.789
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.360.731.843	1.655.828.749
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		702.233	734.305
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.01	1.540.726.050	2.360.731.843

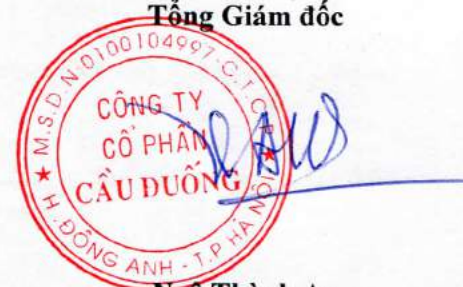
Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cầu Đuống (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập theo quyết định số 2299/QĐ-UBND ngày 16/05/2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Đầu tư xây dựng và Sản xuất vật liệu Cầu Đuống thành Công ty Cổ phần Cầu Đuống. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 26/06/2006. Công ty có 09 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104997 thay đổi lần thứ 09 ngày 22/05/2019 thì vốn điều lệ của Công ty là: **34.649.110.000 đồng** (Ba mươi tư tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn Upcom với mã chứng khoán là CDG.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp và kinh doanh dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Bán sản phẩm vật liệu xây dựng, bán sản phẩm cơ khí;
- Hoạt động xây lắp;
- Cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng - kho bãi.

Trụ sở Công ty tại: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán và phương pháp khấu hao TSCĐ**7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/06/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm >**

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 07

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***8. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư*****Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư***

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty bao gồm chi phí sửa chữa kho than pha, được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán theo từng hạng mục công trình, công trình hoặc chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định: Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không có số dư vay gốc ngoại tệ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí lãi vay được xác định vào hợp đồng, khế ước vay, thời gian vay thực tế; khoản trích trước tiền ăn ca của cán bộ công nhân viên được xác định dựa vào bảng chấm công, các loại chi phí trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê đất; được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng thuê đất, chứng từ nhận tiền, hóa đơn.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm vật liệu xây dựng, doanh thu bán sản phẩm cơ khí, cung cấp dịch vụ, vận chuyển, tư vấn, thiết kế, cho thuê nhà xưởng – kho bãi, doanh thu hoạt động xây lắp và doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần Công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, số dư các khoản cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay và chi phí dự phòng đầu tư tài chính.

18. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

18.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành. Công ty đang áp dụng mức thuế GTGT 5% đối với doanh thu từ chuyển giao công nghệ, 10% đối với doanh thu bán vật liệu xây dựng, hoạt động xây lắp, tư vấn thiết kế và doanh thu khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền		
Tiền mặt	113.585.252	94.295.561
Tiền gửi ngân hàng	1.427.140.798	2.266.436.282
Cộng	1.540.726.050	2.360.731.843

0222
 NG T
 NIỆM H
 DAN VÀ B
 ỆT N
 ÁY - 7

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	13.000.000.000	13.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Cộng	13.000.000.000	13.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000

(*) Là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng, lãi suất gốc theo từng hợp đồng tiền gửi cụ thể dao động từ 5,5% đến 9,5% và thay đổi tùy theo lãi suất ngân hàng tại từng thời điểm cụ thể.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty TNHH Nho Quý	-	-	440.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Toàn Linh	141.532.579	-	554.863.091	-
Công ty CP Creat capital Việt Nam	-	-	947.460.000	-
Các xí nghiệp của Tổng Công ty CP Vật liệu xây dựng Mai Đình	477.948.412	-	1.458.711.250	-
	671.750.000	-	26.750.000	-
Các đối tượng khác	2.096.730.163	(84.077.438)	2.759.091.491	(84.077.438)
Cộng	3.387.961.154	(84.077.438)	6.186.875.832	(84.077.438)

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển tài nguyên môi trường Hà Nội	60.000.000	-	60.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Tùng Đại Phát	70.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	27.500.000	-	57.500.000	-
Cộng	157.500.000	-	117.500.000	-

5. Phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	705.974.931		600.060.107	
- Tạm ứng	16.123.600	-	124.348.020	-
- Phải thu khác	689.851.331	-	475.712.087	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thu bồi hoàn kiểm kê không nung - Nguyễn Đức Tuấn	-	-	12.010.800	-
Lãi dự thu tiền gửi	570.126.028	-	322.682.192	-
Phải thu về BHXH	110.495.730	-	120.335.070	-
Các đối tượng khác	9.229.573	-	20.684.025	-
b) Dài hạn	4.306.660.000	-	-	-
- Phải thu khác				
Tiền góp vốn đầu giá quyền sử dụng đất (*)	4.306.660.000	-	-	-
Cộng	5.012.634.931	-	600.060.107	-

(*) Tiền góp vốn đầu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà ở tại khu đất: điểm X5, thôn Du Nội, xã Mai Lâm, huyện Đông Anh, Hà Nội với ông Hoàng Tiến Đạt theo Hợp đồng thỏa thuận góp vốn đầu giá quyền sử dụng đất ngày 26/10/2020 với số tiền là 4.306.660.000 đồng.

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

6. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu khách hàng				
Công ty CP Xây dựng 556	49.334.844	-	49.334.844	-
Công ty TNHH Toto Việt Nam	34.742.594	-	34.742.594	-
Cộng	84.077.438	-	84.077.438	-

7. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.303.585.603	-	5.152.716.088	-
Công cụ, dụng cụ	4.993.907	-	9.315.323	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.070.621.583	-	2.065.702.999	-
Thành phẩm	6.102.920.353	(386.961.309)	6.877.023.542	(144.919.835)
Cộng	13.482.121.446	(386.961.309)	14.104.757.952	(144.919.835)

8. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Sửa chữa kho than pha	-	17.169.717
Cộng	-	17.169.717

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Địa chỉ: Km 14 Quốc lộ 3, Mai Lâm, Đông Anh, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2020	35.439.007.261	30.310.806.747	7.163.196.995	532.288.985	73.445.299.988	
Mua trong năm	-	55.636.363	-	-	55.636.363	
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.533.606.067	-	-	-	3.533.606.067	
Phân loại lại	(1.005.892.755)	1.125.892.755	(120.000.000)	-	-	
Thanh lý, nhượng bán	(346.927.000)	(390.000.000)	(118.000.000)	-	(854.927.000)	
Số dư ngày 31/12/2020	37.619.793.573	31.102.335.865	6.925.196.995	532.288.985	76.179.615.418	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2020	25.838.194.671	24.048.345.043	5.961.588.633	438.163.267	56.286.291.614	
Khấu hao trong năm	1.317.568.523	1.158.919.503	290.148.722	14.195.568	2.780.832.316	
Thanh lý, nhượng bán	(324.453.384)	(390.000.000)	(94.400.000)	-	(808.853.384)	
Số dư ngày 31/12/2020	26.831.309.810	24.817.264.546	6.157.337.355	452.358.835	58.258.270.546	
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2020	9.600.812.590	6.262.461.704	1.201.608.362	94.125.718	17.159.008.374	
Tại ngày 31/12/2020	10.788.483.763	6.285.071.319	767.859.640	79.930.150	17.921.344.872	

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 36.452.227.027 VND (Tại thời điểm 31/12/2019 là 33.453.393.201 VND)

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**10.1 Bất động sản đầu tư năm giữ chờ tăng giá**

Khoản mục	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2020
Nguyên giá	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636
Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại	2.656.363.636			2.656.363.636
Quyền sử dụng đất	2.656.363.636	-	-	2.656.363.636

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

11. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	330.591.861	296.849.721
Chi phí sửa chữa tài sản	99.480.515	123.631.681
Chi phí trả trước khác	386.887.000	359.929.425
Cộng	816.959.376	780.410.827

12. Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Sơn Lâm	113.459.280	113.459.280	-	-
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đặc Chí	581.620.380	581.620.380	474.424.775	474.424.775
Công ty CP Phát triển thương mại và Đầu tư xây dựng Hoàng Gia	159.949.600	159.949.600	159.949.600	159.949.600
Các đối tượng khác	512.264.103	512.264.103	265.059.061	265.059.061
Cộng	1.367.293.363	1.367.293.363	899.433.436	899.433.436

13. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Vận tải Việt Thịnh	-	78.600.329
Các đối tượng khác	12.492.560	57.143.427
Cộng	12.492.560	135.743.756

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2020
a) Phải nộp				
Thuế GTGT	128.032.209	1.847.325.326	1.975.357.535	-
Thuế TNDN	690.700.724	256.837.820	900.000.000	47.538.544
Thuế TNCN	72.288.167	93.106.099	133.293.059	32.101.207
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	299.399.605	3.993.728.072	3.993.728.072	299.399.605
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	235.149.990	9.997.830	245.147.820	-
Cộng	1.425.570.695	6.204.995.147	7.251.526.486	379.039.356
b) Phải thu				
Thuế TNDN	493.430.761	493.430.761	-	-
Thuế TNCN	1.353.276	4.297.720	2.944.444	-
Cộng	494.784.037	497.728.481	2.944.444	-

15. Chi phí phải trả

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay phải trả	20.045.000	13.906.100
Tiền ăn ca phải trả	29.735.666	49.168.100
Chi phí khác	4.695.268	-
Cộng	54.475.934	63.074.200

16. Phải trả khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a) Ngắn hạn	2.501.154.266	6.620.814.889
- Kinh phí công đoàn	21.234.480	21.246.660
- Nhận ký quỹ ký cược	276.060.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.203.859.786	6.599.568.229
Ông Nguyễn Hữu Minh (*)	1.681.973.953	3.747.309.768
Ông Ngô Thành An (*)	-	1.063.422.512
Cổ tức phải trả	392.907.455	1.091.225.960
Các đối tượng khác	128.978.378	697.609.989
b) Dài hạn	519.320.000	-
Nhận ký quỹ ký cược	519.320.000	-
Cộng	3.020.474.266	6.620.814.889

(*) Là khoản phải trả ông Nguyễn Hữu Minh, Ngô Thành An theo các hợp đồng xây dựng, lắp đặt cơ khí.

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Ngắn hạn		
Doanh thu trả trước về cho thuê	194.800.000	5.000.000
Cộng	194.800.000	5.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2020		Trong năm		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	3.857.456.415	3.857.456.415	5.618.726.522	1.761.270.107	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân (2)	925.000.000	925.000.000	1.505.000.000	1.567.900.000	987.900.000	987.900.000
Cộng	4.782.456.415	4.782.456.415	7.123.726.522	3.329.170.107	987.900.000	987.900.000

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

(1) Hợp đồng vay hạn mức số 724/2020-HĐCVHM/NHCT131-CAUDUONG ngày 25/09/2020 - Công ty Cổ phần Cầu Đuống ký với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hà Nội theo hạn mức vay không vượt quá 5.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 25/09/2021, lãi suất vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tài sản đảm bảo theo hợp đồng đảm bảo số 335-3/2010 ngày 1/11/2010 là toàn bộ máy móc thiết bị dây chuyền sản xuất gạch không nung; hợp đồng đảm bảo số 2533/HĐTC ngày 1/12/2009; Tài sản thế chấp là trụ sở văn phòng làm việc; hợp đồng đảm bảo số 615-3/2015/HĐTC ngày 29/12/2011 hạng mục nhà dướng hộ thuộc nhà máy gạch không nung; hợp đồng thế chấp sản số 509/2018/HĐBĐ/NHCT131-CD ngày 19/6/2018, tài sản thế chấp là toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất gạch tuynel Xi nghiệp Gốm xây dựng Mai Lâm năm 2017"; hợp đồng thế chấp tài sản số 510/2018/HĐBĐ/NHCT131-CD ngày 19/6/2018, tài sản thế chấp là toàn bộ nhà xưởng thuộc dự án "Đầu tư đổi mới công nghệ sản xuất gạch tuynel Xi nghiệp Gốm xây dựng Mai Lâm năm 2017".

(2) Khoản vay ngắn hạn của các cá nhân theo giấy báo huy động vốn, thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng, lãi suất theo từng lần huy động vốn (5,4% đến 6,6%/năm).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***19. Vốn chủ sở hữu****19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2019	34.649.950.000	769.975.000	(840.000)	4.842.914.846	40.261.999.846
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.240.414.010	2.240.414.010
Chia cổ tức	-	-	-	(4.157.893.200)	(4.157.893.200)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(684.291.485)	(684.291.485)
Số dư tại ngày 31/12/2019	34.649.950.000	769.975.000	(840.000)	2.241.144.171	37.660.229.171
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.589.961.060	4.589.961.060
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(2.771.928.800)	(2.771.928.800)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	(162.197.571)	(162.197.571)
Tặng khác (**)	-	-	-	692.982.200	692.982.200
Số dư tại ngày 31/12/2020	34.649.950.000	769.975.000	(840.000)	4.589.961.060	40.009.046.060

(*) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020 ngày 28 tháng 05 năm 2020.

(**) Tặng khác do hoàn lại một phần Quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 ngày 28 tháng 05 năm 2020.

19.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư và phát triển hạ tầng Đô thị	14.789.950.000	14.789.950.000
Nguyễn Thị Phương	4.235.040.000	4.235.040.000
Nguyễn Thị Liên	1.791.860.000	1.791.860.000
Nguyễn Văn Minh	1.740.990.000	1.740.990.000
Các cổ đông khác	12.092.110.000	12.092.110.000
Cộng	34.649.950.000	34.649.950.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	34.649.950.000	34.649.950.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	34.649.950.000	34.649.950.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2.771.928.800	4.157.893.200

19.4 Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.464.995	3.464.995
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.464.995	3.464.995
- Cổ phiếu phổ thông	3.464.995	3.464.995
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	84	84
- Cổ phiếu phổ thông	84	84
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.464.911	3.464.911
- Cổ phiếu phổ thông	3.464.911	3.464.911
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu		

19.5 Các quỹ của doanh nghiệp

Khoản mục	01/01/2020	Tăng trong năm	Giảm trong năm (**)	Đơn vị tính: VND
				31/12/2020
Quỹ đầu tư phát triển	7.426.111.917	-	692.982.200	6.733.129.717
Cộng	7.426.111.917	-	692.982.200	6.733.129.717

*** Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

(**) Giảm trong năm do hoàn lại một phần Quỹ đầu tư phát triển để chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 ngày 28 tháng 05 năm 2020

20. Nguồn kinh phí

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	200.000.000	200.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
Ngoại tệ các loại		
USD	200,45	200,45

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	2.905.434.025	2.048.525.728
Doanh thu bán các thành phẩm	18.472.096.305	16.453.482.099
Doanh thu vận chuyển, cơ khí, xây lắp	122.099.658	8.899.978.622
Doanh thu cho thuê nhà xưởng	9.882.774.062	10.645.142.000
Cộng	31.382.404.050	38.047.128.449

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hoá, vật tư đã bán	2.838.617.064	1.855.553.609
Giá vốn của thành phẩm đã bán	14.464.241.355	14.880.087.765
Giá vốn hoạt động vận chuyển, cơ khí, xây lắp	122.099.587	8.742.464.190
Giá vốn cho thuê nhà xưởng	2.200.270.552	2.611.077.904
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	242.041.474	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(475.564.042)
Cộng	19.867.270.032	27.613.619.426

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.041.617.297	803.960.802
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	702.233	734.305
Cộng	1.042.319.530	804.695.107

4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	154.613.833	94.967.308
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con	-	152.146.000
Cộng	154.613.833	247.113.308

5. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	13.926.384	-
Thu nhập từ hồ sơ mời thầu	16.000.000	-
Các khoản khác	2.531.818	1.800.000
Cộng	32.458.202	1.800.000

6. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	14.028.409
Chi phí phạt chậm nộp tiền thuế	1.608.431	774.125.720
Chi phí từ xử lý nợ phải thu	17.223.225	-
Cộng	18.831.656	788.154.129

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	584.959.609	873.120.437
Chi phí nhân viên	69.115.818	83.661.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.007.322	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.535.000	31.256.271
Chi phí bằng tiền khác	489.301.469	758.203.166
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	6.491.277.011	6.382.754.317
Chi phí nhân viên quản lý	1.822.534.071	1.244.705.919
Chi phí vật liệu quản lý	19.380.203	28.143.347
Chi phí đồ dùng văn phòng	185.814.293	174.629.091
Chi phí khấu hao TSCĐ	167.017.356	132.481.718
Thuế, phí và lệ phí	3.981.090.395	4.443.820.055
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.492.364	84.057.685
Chi phí bằng tiền khác	252.948.329	274.916.502
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	-	(66.535.000)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(66.535.000)
Cộng	7.076.236.620	7.189.339.754

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.198.807.979	8.707.060.455
Chi phí nhân công	6.640.965.929	6.145.852.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.780.832.316	2.986.730.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.149.392.602	7.447.706.633
Chi phí khác bằng tiền	6.158.632.300	7.819.096.963
Cộng	26.928.631.126	33.106.447.318

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5.340.229.641	3.015.396.939
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	18.831.656	774.125.720
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	5.359.061.297	3.789.522.659
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.071.812.259	757.904.532
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	17.078.397
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, được giảm (*)	321.543.678	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	750.268.581	774.982.929

(*) Giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 - Quy định chi tiết thi hành nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	4.589.961.060	2.240.414.010
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(162.197.571)
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	(162.197.571)
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi(*)	-	(162.197.571)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.589.961.060	2.078.216.439
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.464.911	3.464.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	1.324,70	599,79

(*) Giá trị Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 là số liệu thực tế Công ty đã trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/05/2020. Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 chưa được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa có cơ sở ước tính.

(**) Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2019 do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 28/05/2020.

	Năm 2019 Số trước điều chỉnh VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2019 Số sau điều chỉnh VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	2.240.414.010	-	2.240.414.010
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(162.197.571)	(162.197.571)
<i>Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi</i>	-	(162.197.571)	(162.197.571)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.240.414.010	(162.197.571)	2.078.216.439
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.464.911	-	3.464.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	646,60	-	599,79

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong năm:		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	7.123.726.522	5.201.087.544
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	3.329.170.107	5.640.516.658

VIII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Nguyễn Hữu Minh
Ông Ngô Thành An

Mối quan hệ

Giám đốc xí nghiệp cơ khí
Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi tạm ứng	265.000.000	309.180.000
Ông Nguyễn Hữu Minh	-	309.180.000
Ông Ngô Thành An	265.000.000	-
Thu tạm ứng	265.000.000	7.336.091.968
Ông Nguyễn Hữu Minh	-	4.016.157.083
Ông Ngô Thành An	265.000.000	3.319.934.885

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản phải trả khác	1.681.973.953	4.810.732.280
Ông Nguyễn Hữu Minh	1.681.973.953	3.747.309.768
Ông Ngô Thành An	-	1.063.422.512

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lương, thưởng	478.271.600	404.762.647
Cộng	478.271.600	404.762.647

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại thuyết minh số V.18, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Các khoản vay	4.782.456.415	987.900.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.540.726.050	2.360.731.843
Nợ thuần	3.241.730.365	(1.372.831.843)
Vốn chủ sở hữu	46.742.175.777	45.086.341.088
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	6,94%	0,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.540.726.050	2.360.731.843
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.400.596.085	6.702.858.501
Các khoản đầu tư tài chính	13.000.000.000	12.000.000.000
Tổng cộng	22.941.322.135	21.063.590.344
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	4.782.456.415	987.900.000
Phải trả người bán và phải trả khác	4.387.767.629	7.520.248.325
Chi phí phải trả	54.475.934	63.074.200
Tổng cộng	9.224.699.978	8.571.222.525

Công ty chưa đánh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	3.868.447.629	519.320.000	4.387.767.629
Chi phí phải trả	54.475.934	-	54.475.934
Các khoản vay	4.782.456.415	-	4.782.456.415
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	7.520.248.325	-	7.520.248.325
Chi phí phải trả	63.074.200	-	63.074.200
Các khoản vay	987.900.000	-	987.900.000

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.540.726.050	-	1.540.726.050
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.093.936.085	4.306.660.000	8.400.596.085
Các khoản đầu tư tài chính	13.000.000.000	-	13.000.000.000
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.360.731.843	-	2.360.731.843
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.702.858.501	-	6.702.858.501
Các khoản đầu tư tài chính	12.000.000.000	-	12.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty Cổ phần Cầu Đuông đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU ĐUÔNG

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Xuân Hoa

Nguyễn Thị Xuân Hoa

Ngô Thành An

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ ĐUÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

